

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP MINH KHÔI**

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thạch Thảo Vân
Lớp : Kế toán - K41B
MSSV : 4154040065
Giáo viên hướng dẫn : TS. Đào Nhật Minh

Bình Định, tháng 05 năm 2022

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan Khoá luận tốt nghiệp này là do tự bản thân thực hiện có sự hỗ trợ từ giảng viên hướng dẫn và không sao chép các công trình nghiên cứu của người khác. Các dữ liệu thông tin cung cấp sử dụng trong Khóa luận là có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Em xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này!

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thạch Thảo Vân

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ và tên sinh viên thực hiện: Nguyễn Thạch Thảo Vân

Lớp: Kế toán K41B

Khóa: 41

Tên đề tài: Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:.....

2. Nội dung của đề tài:.....

- Cơ sở lý thuyết:.....

.....

- Cơ sở số liệu:.....

.....

- Phương pháp giải quyết các vấn đề:.....

.....

3. Hình thức của đề tài:.....

- Hình thức trình bày:.....

.....

- Kết cấu của đề tài:.....

4. Những nhận xét khác:.....

II. Đánh giá cho điểm:.....

- Tiến trình làm đề tài:.....

- Nội dung đề tài:.....

- Hình thức đề tài:.....

Tổng cộng:.....

Ngày.....tháng.....năm 2022

Giảng viên hướng dẫn

Đào Nhật Minh

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN VẤN ĐÁP

Họ và tên sinh viên thực hiện: Nguyễn Thạch Thảo Vân

Lớp: Kế toán K41B

Khóa: 41

Tên đề tài: Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:.....

2. Nội dung của đề tài:.....

- Cơ sở lý thuyết:.....

.....

- Cơ sở số liệu:.....

.....

- Phương pháp giải quyết các vấn đề:.....

.....

3. Hình thức của đề tài:.....

- Hình thức trình bày:.....

.....

- Kết cấu của đề tài:.....

4. Những nhận xét khác:.....

II. Đánh giá cho điểm:.....

- Tiến trình làm đề tài:.....

- Nội dung đề tài:.....

- Hình thức đề tài:.....

Tổng cộng:.....

Ngày.....tháng.....năm 2022

Giảng viên vấn đáp

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG.....	4
1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	4
1.1.1. Khái niệm.....	4
1.1.2. Đặc điểm	4
1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu	4
1.1.4. Nhiệm vụ.....	5
1.1.5. Vai trò	5
1.1.6. Phân loại nguyên vật liệu.....	5
1.1.7. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu.	7
1.1.7.1. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho.	7
1.1.7.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho.	9
1.2. Chứng từ kế toán liên quan kế toán nguyên vật liệu	11
1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	12
1.3.1. Sổ sách kế toán sử dụng.....	12
1.3.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	12
1.3.2.1. Phương pháp thẻ song song	12
1.3.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	13
1.3.2.3. Phương pháp sổ số dư.....	14
1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	16
1.4.1. Sổ sách kế toán sử dụng.....	16
1.4.2. Phương pháp kế toán nguyên vật liệu.....	16
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP MINH KHÔI	19
2.1. Giới thiệu khái quát chung về Công ty TNHH Tổng Hợp Minh Khôi	19
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi	19
2.1.1.1. Thông tin chung về Công ty.....	19
2.1.1.2. Thời điểm thành lập, các mốc quan trọng.....	19
2.1.1.3. Quy mô hiện tại của Công ty.....	20
2.1.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty những năm gần đây	20
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty.....	21
2.1.2.1. Chức năng	21

2.1.2.2. Nhiệm vụ.....	21
2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	21
2.1.3.1. Loại hình kinh doanh của công ty.....	21
2.1.3.2. Thị trường đầu vào của công ty.....	22
2.1.3.3. Thị trường đầu ra của công ty.....	22
2.1.3.4. Vốn kinh doanh của công ty.....	22
2.1.3.5. Đặc điểm về các nguồn lực chủ yếu của công ty.....	23
2.1.4. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý tại công ty.....	23
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại công ty.....	23
2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức quản lý tại công ty.....	25
2.1.5. Đặc điểm kế toán tại công ty.....	26
2.1.5.1. Mô hình kế toán tại công ty.....	26
2.1.5.2. Bộ máy kế toán tại công ty.....	26
2.1.5.3. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty.....	26
2.1.5.4. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty.....	28
2.2. Thực trạng về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi.....	28
2.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty.....	28
2.2.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty.....	29
2.2.3. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu tại công ty.....	29
2.2.3.1. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho.....	29
2.2.3.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho.....	29
2.2.4. Chứng từ sử dụng và trình tự luân chuyển chứng từ.....	32
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	32
2.2.4.2. Trình tự luân chuyển chứng từ.....	32
2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	39
2.2.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	48
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP MINH KHÔI	52
3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi.....	52
3.1.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty.....	52
3.1.2. Nhận xét về kế toán nguyên vật liệu tại công ty.....	53
3.1.2.1. Ưu điểm.....	53
3.1.2.2. Hạn chế.....	55

3.2. Một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi	55
KẾT LUẬN	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Tên viết tắt	Giải thích
1	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
2	CK	Chuyên khoản
3	GTGT	Giá trị gia tăng
4	HĐ	Hóa đơn
5	HĐMHCTT	Hóa đơn mua hàng chưa trả tiền
6	KKTX	Kê khai thường xuyên
7	MST	Mã số thuế
8	CTGS	Chứng từ ghi sổ
9	NSNN	Ngân sách nhà nước
10	NT	Ngày tháng
11	NTGS	Ngày tháng ghi sổ
12	NVL	Nguyên vật liệu
13	PNK	Phiếu nhập kho
14	PXK	Phiếu xuất kho
15	SH	Số hiệu
16	SXKD	Sản xuất kinh doanh
17	TK	Tài khoản
18	TSCĐ	Tài sản cố định
19	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
20	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song.....	13
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển ..	14
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư.....	15
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên	18
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ quá trình xây dựng công trình của công ty.....	24
Sơ đồ 2.2. Bộ máy quản lý của công ty	25
Sơ đồ 2.3. Bộ máy kế toán của công ty	26
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ	27
Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển chứng từ nguyên vật liệu nhập kho	33
Sơ đồ 2.6. Quy trình luân chuyển chứng từ nguyên vật liệu xuất kho	37
Sơ đồ 2.7. Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu	40

BẢNG

Bảng 2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 – 2021	20
Bảng 2.2. Nguồn vốn kinh doanh của công ty năm 2020 - 2021	22
Bảng 2.3. Tình hình tài sản cố định của công ty tại ngày 31/12/2021	23
Bảng 2.4. Số lượng cán bộ công nhân viên trong năm 2020 – 2021	23
Bảng 2.5. Bảng phân loại lao động theo trình độ tính đến năm 2021	23

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, chúng ta đã được chứng kiến sự chuyên mình phát triển đi lên của nền kinh tế thế giới và đặc biệt là sự trỗi dậy mạnh mẽ của các nước đang phát triển. Xu thế quốc tế hóa là một xu thế khách quan đang diễn ra mang tính chất toàn cầu mà không một quốc gia, không một doanh nghiệp không hướng tới. Đối với doanh nghiệp áp lực cạnh tranh để đứng vững và phát triển trên thị trường ngày càng khó khăn tuân theo quy luật của nền kinh tế thị trường. Mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và hoạt động lâu dài phải có chiến lược kinh doanh có hiệu quả, do đó phải luôn đặt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời giảm chi phí sản xuất nhưng vẫn phải luôn đảm bảo lấy chất lượng sản phẩm làm mục tiêu hàng đầu.

Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải kiểm soát tốt các chi phí đầu vào trong quá trình sản xuất như: chi phí nguyên vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất chung khác. Trong số đó, chi phí nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất được thể hiện dưới dạng vật hóa, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể của sản phẩm. Ngoài ra, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Vì vậy, việc quản lý nguyên vật liệu là vấn đề cần được quan tâm nhiều nhất nhằm giúp quá trình sản xuất kinh doanh được diễn ra thuận lợi, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Trong lĩnh vực xây dựng, nguyên vật liệu có chủng loại rất đa dạng và phong phú. Việc tổ chức kế toán nguyên vật liệu một cách khoa học, hợp lý có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết trong hoạt động quản lý tài sản của doanh nghiệp. Để làm được điều đó, công tác kế toán phải được chú trọng đúng mức, tầm quan trọng của công tác kế toán mang ý nghĩa quyết định tới sự thành bại của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu là đối tượng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí sản xuất kinh doanh đặc biệt là trong doanh nghiệp xây dựng như Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi, do đó việc tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, đảm bảo cung ứng kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất kinh doanh ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thức về tầm quan trọng và tính cấp thiết của kế toán nguyên vật liệu nên em đã chọn đề tài “Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi” để làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu tổng quát của khóa luận là hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi.

Tương ứng với mục tiêu tổng quát, ba mục tiêu cụ thể của khóa luận cần thực hiện đó là:

- Hệ thống cơ sở lý luận về kế toán nguyên vật liệu

- Tìm hiểu thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi.

- Đề xuất giải pháp để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: đề tài chủ yếu tập trung nghiên cứu công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi.

- Phạm vi nghiên cứu: Sử dụng số liệu tại phòng kế toán Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi.

- Không gian: Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi.

- Địa chỉ: Số 164 Nguyễn Hoàng, P.Đông Đa, TP.Quy Nhơn, T.Bình Định.

- Thời gian: từ ngày 11/4/2022 đến ngày 29/5/2022.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài khóa luận em đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như sau:

- Phương pháp thu thập và thống kê số liệu

- Phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý dữ liệu,...

5. Dự kiến những đóng góp của đề tài

- Khái quát chung về kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

- Nhận định tầm quan trọng của hoạt động kế toán nguyên vật liệu nói riêng và công tác kế toán nói chung.

- Dựa trên lý thuyết đã được học cùng với hiểu biết của bản thân đưa ra các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi cũng như các doanh nghiệp khác.

- Mở rộng thêm kiến thức chuyên môn, phát huy khả năng tự nghiên cứu, tính sáng tạo trong học tập.

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp của em bao gồm có 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây dựng

- Chương 2: Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi

- Chương 3: Một số nhận xét và giải pháp để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi

Em xin chân thành cảm ơn toàn thể Ban lãnh đạo Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi đã nhận em vào thực tập để em có cơ hội học hỏi và bắt đầu tập làm quen với môi trường làm việc thực tế tại công ty.

Bên cạnh đó em cũng xin cảm ơn khoa Kinh tế & Kế toán của trường Đại học Quy Nhơn cùng giáo viên hướng dẫn là Thầy Đào Nhật Minh đã hết lòng giúp đỡ, hướng dẫn và chỉnh sửa những sai sót trong khi em thực hiện bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Tuy nhiên, thời gian thực tập có hạn và mặc dù đã cố gắng trong việc tìm tòi, tham khảo tài liệu và tìm hiểu thực tế, song bước đầu vận dụng cơ sở lý thuyết vào thực tiễn chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy và các cán bộ công nhân viên của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Quy nhơn, tháng 05 năm 2022

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thạch Thảo Vân

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG

1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động, thể hiện dưới dạng vật hóa, mà khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh sẽ bị biến dạng hoặc tiêu hao hoàn toàn để cấu thành nên thực thể của sản phẩm.

Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của công ty.

1.1.2. Đặc điểm

- Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở vật chất để hình thành nên sản phẩm mới. Trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu là hàng tồn kho thuộc tài sản ngắn hạn.

- Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu trình sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị nguyên vật liệu được chuyển hết một lần vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu bị biến dạng hoặc tiêu hao hoàn toàn và thay đổi về hình thái vật chất ban đầu để cấu thành thực thể của sản phẩm.

- Về mặt giá trị, nguyên vật liệu chuyển dịch một lần toàn bộ giá trị vào giá trị của sản phẩm mới tạo ra chứ không hao mòn dần như tài sản cố định.

- Nguyên vật liệu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như mua ngoài, tự sản xuất, vốn góp của các thành viên trong công ty,...trong đó, chủ yếu là do doanh nghiệp mua ngoài.

- Nguyên vật liệu dùng trong doanh nghiệp xây dựng rất đa dạng, phong phú về chủng loại, phức tạp về kỹ thuật.

- Nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ở các công ty.

1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

- Ghi chép chính xác và kịp thời số lượng, phẩm chất, quy cách và giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập xuất tồn.

- Mở các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết từng nguyên vật liệu theo đúng chế độ, phương pháp quy định.

- Kiểm tra việc thực hiện mua hàng, tình hình dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu theo dự đoán, tiêu chuẩn, định mức tiêu hao.

- Cung cấp thông tin về tình hình nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu phục vụ công tác quản lý. Định kỳ phân tích tình hình mua hàng, bảo quản sử dụng nguyên vật liệu.
- Có hệ thống kho hàng để bảo quản nguyên vật liệu thiết bị cần thiết để cân đo, đong, đếm.

1.1.4. Nhiệm vụ

- Ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, trung thực kịp thời số lượng, chất lượng và giá thành thực tế nguyên vật liệu nhập kho.
- Tập hợp phản ánh đầy đủ kịp thời số lượng và giá trị nguyên vật liệu xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu.
- Phân bổ giá trị hợp lý nguyên vật liệu sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện tốt việc đánh giá, ghi nhận về số lượng, giá trị nguyên vật liệu tồn kho, phát hiện kịp thời nguyên vật liệu thừa thiếu, ứ đọng kém phẩm chất để doanh nghiệp có biện pháp hạn chế tối đa nguyên vật liệu.

1.1.5. Vai trò

- Nguyên vật liệu có vai trò là cơ sở vật chất hình thành nên sản phẩm, là một trong ba yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Việc cung cấp nguyên vật liệu kịp thời, đầy đủ, đúng chất lượng, quy cách, chủng loại có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất kinh doanh.
- Nguyên vật liệu là yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, nó còn quyết định chất lượng sản phẩm đầu ra. Ngoài ra, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Do đó, để hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lợi nhuận, doanh nghiệp cần theo dõi chặt chẽ, đồng thời có biện pháp tiết kiệm nguyên vật liệu ở các khâu thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng.
- Như vậy, nguyên vật liệu là một trong những thành phần quan trọng nhất trong công tác xây dựng, lắp đặt các công trình, hệ thống điện. Mỗi doanh nghiệp cần xây dựng, hoàn thiện công tác quản lý và sử dụng nguồn nguyên liệu một cách hợp lý.

1.1.6. Phân loại nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu có nhiều cách phân loại khác nhau và thường xuyên biến động trong quá trình sản xuất. Để quản lý một cách chặt chẽ, hạch toán chính xác khối lượng nguyên vật liệu, đảm bảo quá trình sản xuất một cách liên tục và ổn định, doanh nghiệp cần phải phân loại nguyên vật liệu ra chi tiết dựa trên những tiêu thức nhất định mà các loại nguyên vật liệu được sắp xếp vào các nhóm khác nhau. Nhờ đó, kế toán có thể theo dõi chính xác và kịp thời cho việc lập kế hoạch thu mua và dự trữ vật tư.

Căn cứ vào vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu trong sản xuất, nguyên vật liệu được chia làm các loại sau:

- Nguyên vật liệu chính: là những thứ nguyên vật liệu mà sau quá trình gia công, chế biến sẽ cấu thành nên thực thể vật chất chủ yếu của sản phẩm. Cần chú ý rằng, nguyên vật liệu là những vật phẩm tự nhiên chưa qua một sự chế biến nào và cần được tác động của lao động, máy móc, kỹ thuật biến hóa mới thành sản phẩm hoặc đã qua chế biến nhưng là yếu tố chính cấu thành sản phẩm cho công đoạn sản xuất tiếp theo.

- Nguyên vật liệu phụ: là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bên ngoài, tăng thêm chất lượng sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường hoặc phục vụ cho nghiên cứu công nghệ kỹ thuật, bảo quản, đóng gói phục vụ cho quá trình lao động.

- Nhiên liệu: là những thứ vật liệu được dùng để cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh như than, củi, xăng, dầu, hơi đốt, khí đốt,...

- Phụ tùng thay thế: là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ, sản xuất.

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm các vật liệu và thiết bị (cần lắp, không cần lắp, vật kết cấu, công cụ, khí cụ,...) mà doanh nghiệp mua vào nhằm mục đích đầu tư cho xây dựng cơ bản.

- Phế liệu: là các loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hay thanh lý tài sản, có thể sử dụng hay bán ra ngoài (phôi bào, vãi vụn, gạch, sắt,...)

- Vật liệu khác: gồm các loại vật liệu còn lại ngoài các thứ chưa kể trên như: bao bì, vật đóng gói, các loại vật tư đặc chủng,...

+ Theo nguồn gốc nguyên vật liệu:

- Nguyên vật liệu mua ngoài
- Nguyên vật liệu tự chế biến, tự gia công
- Nguyên vật liệu có nguồn gốc khác (được cấp, biếu tặng, nhận góp vốn...)

+ Theo mục đích và nơi sử dụng:

- Nguyên vật liệu dùng trực tiếp vào sản xuất kinh doanh
- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu quản lý
- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu dịch vụ bán hàng

+ Lập danh điểm nguyên vật liệu

• Ngoài các cách phân loại nguyên vật liệu trên để phục vụ cho việc quản lý vật tư một cách chặt chẽ, đặc biệt trong điều kiện ứng dụng tin học và công tác kế toán thì phải lập danh điểm kế toán nguyên vật liệu

• Lập danh điểm nguyên vật liệu là quy trình cho mỗi vật tư một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chỉ số (kết hợp các chữ cái) thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của

chúng. Tùy theo doanh nghiệp hệ thống danh điểm vật tư, hàng hóa có thể xây dựng theo nhiều cách khác nhau, nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Thông thường dùng ký hiệu tài khoản cấp 1, cấp 2 để kết hợp nhóm vật tư kết hợp với chữ cái của tên vật tư để ký hiệu thứ tự vật tư. Danh điểm vật tư để sử dụng thống nhất giữa các bộ phận quản lý liên quan trong toàn doanh nghiệp.

1.1.7. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu.

- Tính giá nguyên vật liệu là xác định giá trị của nguyên vật liệu theo một nguyên tắc nhất định. Tính giá nguyên vật liệu nhằm mục đích thực hiện chức năng hạch toán ghi chép và lập báo cáo kế toán bằng tiền các loại vật tư.

- Tính giá vật tư xuất: tính giá theo giá nhập thực tế, có thể xác định tương đương giá nhập thực tế bằng các phương pháp tính giá.

- Tính giá vật tư nhập: cơ sở đánh giá là chứng từ kế toán thực tế phát sinh nghiệp vụ, nguyên tắc chung là tính theo giá phí thực tế, cơ cấu giá nhập của vật tư tùy thuộc vào nguồn thu nhập để xác định số tiền tính và giá nhập.

- Tùy theo đặc điểm của từng công ty mà có thể lựa chọn tính giá nguyên vật liệu theo một trong hai phương pháp: giá thực tế và giá hạch toán. Giá thực tế được xem là một loại nguyên tắc, giá hạch toán mang tính chất là giá thủ tục, nghĩa là sử dụng giá hạch toán chỉ để thuận tiện cho việc cung cấp thông tin. Vào cuối mỗi kỳ hạch toán thì kế toán phải tiến hành điều chỉnh giá trị nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ từ giá đang ghi sổ là giá hạch toán về giá nguyên tắc là giá thực tế.

- Theo quy định, nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế (giá gốc), tức là nguyên vật liệu khi nhập kho hay xuất kho đều được phản ánh trên sổ sách theo giá thực tế. Tuy nhiên, không ít công ty để đơn giản và giảm bớt khối lượng ghi chép, tính toán hàng ngày có thể sử dụng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập xuất vật liệu.

1.1.7.1. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho.

Nguyên tắc chung: Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là tập hợp tất cả những chi phí mà công ty đã bỏ ra để có được nguyên vật liệu đó tính đến thời điểm vật liệu sẵn sàng xuất kho để đưa vào sử dụng.

Do nguyên vật liệu của công ty được nhập từ nhiều nguồn khác nhau, chi phí bỏ ra cho từng nguồn nhập là khác nhau, cho nên giá thực tế vật liệu nhập kho được tính riêng cho từng nguồn nhập.

- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:

- Trường hợp mua nguyên vật liệu trong nước nhập kho: Giá thực tế bao gồm
 - + Giá mua trên hóa đơn: gồm thuế giá trị gia tăng áp dụng hạch toán theo phương pháp trực tiếp, không gồm thuế giá trị gia tăng áp dụng hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

- + Chi phí liên quan đến quá trình thu mua: chi phí vận chuyển, bốc dỡ,...

Với những công ty có quy mô lớn thì việc thu mua nguyên vật liệu thường được một bộ phận cung ứng vật tư đảm nhận. Trong trường hợp này, tất cả những chi phí phục vụ cho hoạt động của bộ phận này phải được phân bổ để tính giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

• Trường hợp nhập khẩu nguyên vật liệu: Giá thực tế bao gồm:

- + Giá mua
- + Chi phí vận chuyển, bốc dỡ
- + Chi phí liên quan đến bộ phận thu mua
- + Thuế nhập khẩu
- + Phí làm thủ tục hải quan

Công thức:

Giá trị thực tế NVL mua vào	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí thu mua	+	Các khoản thuế không được hoàn lại	-	Các khoản giảm trừ (nếu có)
-----------------------------	---	--------------------------	---	-----------------	---	------------------------------------	---	-----------------------------

• Giá mua trên hóa đơn:

+ Là giá không có thuế giá trị gia tăng nếu doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

+ Là giá có tính thuế giá trị gia tăng nếu doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp trực tiếp.

• Chi phí thu mua: là chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản..., hao hụt định mức, công tác phí của các bộ phận thu mua và các chi phí liên quan đến quá trình thu mua khác.

• Các khoản thuế không được hoàn lại bao gồm: thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt,...

• Các khoản giảm trừ: Sẽ không bao gồm thuế GTGT nếu doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ, sẽ có thuế GTGT nếu doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp trực tiếp. Các khoản giảm trừ bao gồm:

+ Chiết khấu thương mại, gồm có 2 loại:

▪ Bớt giá: là khoản được hưởng khi mua hàng một lần với số lượng lớn theo quy định của người bán.

▪ Hồi khấu: là khoản được hưởng khi mua hàng nhiều lần với số lượng lớn theo quy định của người bán.

+ Giảm giá hàng mua: là khoản tiền được hưởng khi mua hàng mà loại hàng đó kém phẩm chất, sai quy cách hoặc giao hàng không đúng hẹn, địa điểm theo quy định.

+ Hàng mua trả lại: là giá trị hàng mua mà doanh nghiệp trả lại cho người bán và được người bán đồng ý.

Nói cách khác, giá trị tài sản mua vào là tất cả chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản đó đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Đối với NVL gia công chế biến, nhập lại kho: Giá gốc bao gồm giá thực tế lúc xuất kho và chi phí gia công chế biến, vận chuyển, bốc dỡ,...

- Đối với NVL nhận vốn góp liên doanh, liên kết: Giá gốc của NVL là giá trị NVL được các bên tham gia góp vốn thừa nhận.

- Đối với NVL vay, mượn tạm thời của đơn vị khác: giá gốc của NVL được tính theo giá thị trường của số NVL đó.

- Đối với phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất - kinh doanh của công ty : giá gốc được tính theo đánh giá thực tế hoặc theo giá bán trên thị trường.

1.1.7.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho.

Tùy theo đặc điểm của mỗi công ty và yêu cầu của quản lý, công ty có thể lựa chọn một trong những phương pháp sau để tính giá thực tế của NVL:

- Phương pháp giá đơn vị bình quân:

Theo phương pháp này, giá thực tế của nguyên vật liệu và giá trị mua của hàng hóa xuất kho trong kỳ được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị thực tế của NVL xuất kho} = \text{Sản lượng thực tế NVL xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân NVL xuất kho}$$

Trong đó, giá đơn vị bình quân NVL có thể tính theo một trong các phương pháp sau:

• Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị thực tế NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Sản lượng NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng sản lượng NVL nhập kho trong kỳ}}$$

+ Ưu điểm: cách tính này đơn giản, dễ làm, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng loại NVL.

+ Nhược điểm: độ chính xác không cao do không phản ánh kịp thời tình hình biến động của NVL trong kỳ, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng công tác quyết toán nói chung.

+ Điều kiện áp dụng: phương pháp này thích hợp cho những công ty có ít chủng loại NVL và số lần nhập xuất ít.

• Phương pháp bình quân cuối kỳ trước:

$$\text{Giá đơn vị bình quân NVL cuối kỳ trước} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL tồn kho cuối kỳ trước (đầu kỳ này)}}{\text{Sản lượng NVL tồn kho cuối kỳ trước (đầu kỳ này)}}$$

+ Ưu điểm: cách làm này đơn giản, giảm nhẹ khối lượng tính toán, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình biến động của NVL trong kỳ.

+ Nhược điểm: độ chính xác không cao do không tính đến sự biến động giá cả của NVL kỳ này.

+ Điều kiện áp dụng: thích hợp trong trường hợp giá cả NVL ít biến động.

• Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập vật tư, kế toán phải xác định lại giá đơn vị bình quân.

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân} \\ \text{NVL sau lần} \\ \text{nhập N} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế NVL tồn kho} \\ \text{trước lần nhập N} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế NVL nhập} \\ \text{kho lần thứ N} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Sản lượng NVL tồn kho} \\ \text{trước lần nhập N} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Sản lượng NVL nhập kho} \\ \text{lần thứ N} \end{array}}$$

+ Ưu điểm: cách làm này có độ chính xác cao, đảm bảo tính kịp thời của số liệu và phản ánh được tình hình biến động giá cả NVL trong kỳ.

+ Nhược điểm: khối lượng công việc tính toán nhiều.

+ Điều kiện áp dụng: phương pháp này thích hợp đối với những công ty có ít chủng loại NVL, có lưu lượng nhập kho ít, giá cả ít biến động.

- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này, giả định rằng số nguyên vật liệu nào nhập vào kho trước thì được xuất ra khỏi kho trước, xuất hết số nhập trước mới tới số nhập sau theo giá trị thực tế của từng số hàng nhập (phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, vì giá trị NVL cuối kỳ sẽ là số thực tế của số vật tư mua vào sau cùng).

+ Ưu điểm: cách làm này đảm bảo tính kịp thời của số liệu.

+ Nhược điểm: doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại trong trường hợp giá cả không ổn định, nếu chủng loại NVL nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến khối lượng công việc nhiều.

+ Điều kiện áp dụng: Thích hợp đối với những công ty có ít chủng loại NVL, số lần nhập kho của NVL không nhiều.

- Phương pháp giá thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, nguyên vật liệu nhập kho theo đơn giá nào sẽ được xuất kho theo đơn giá đó theo từng lô, từng thứ nguyên vật liệu tương ứng với từng lần nhập. Phương pháp giá thực tế đích danh thường được sử dụng trong các công ty có ít loại nguyên vật liệu hoặc nguyên vật liệu ổn định, có tính tách biệt và nhận diện được.

+ Ưu điểm: phương pháp này có độ chính xác cao, đảm bảo tính kịp thời của số liệu.

+ Nhược điểm: đòi hỏi có đầy đủ số liệu về từng loại NVL do đó tốn nhiều công sức.

+ Điều kiện áp dụng: phương pháp này thường được sử dụng trong các công ty có ít chủng loại NVL hoặc NVL ổn định và có thể nhận diện được.

- Phương pháp hệ số giá:

Theo phương pháp này, toàn bộ số nguyên vật liệu biến động trong kỳ sẽ được tính theo giá hạch toán (là giá kế hoạch hoặc một mức giá ổn định trong kỳ theo kinh nghiệm của người làm kế toán và được xác định trước). Cuối kỳ, kế toán sẽ điều chỉnh từ giá hạch toán về giá thực tế theo công thức sau:

$$\text{Giá trị thực tế NVL xuất dùng} = \text{Giá trị hạch toán NVL xuất dùng trong kỳ} \times \text{Hệ số giá}$$

Trong đó:

$$\text{Hệ số giá} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị thực tế NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá trị hạch toán NVL tồn kho trong kỳ} + \text{Tổng giá trị hạch toán NVL nhập kho trong kỳ}}$$

+ Ưu điểm: giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán, việc tính toán nhanh chóng do không phụ thuộc vào số lượng NVL, số lần nhập xuất nhiều hay ít.

+ Nhược điểm: phương pháp này đòi hỏi kế toán phải có trình độ cao.

+ Điều kiện áp dụng: thường áp dụng đối với các công ty có nhiều chủng loại NVL, giá cả biến động và việc nhập kho diễn ra thường xuyên.

1.2. Chứng từ kế toán liên quan kế toán nguyên vật liệu

Theo quy định chế độ kế toán thông tư 200/2014/TT-BTC được Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp mới nhất đối với các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực. Các chứng từ kế toán về vật liệu phải được tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán theo thông tư bao gồm:

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- Biên bản kiểm kê vật tư

- Bảng kê mua hàng
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hóa đơn bán hàng thông thường,...

1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

1.3.1. Sổ sách kế toán sử dụng

- Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu số S12 –DN)
- Sổ chi tiết nguyên vật liệu (Mẫu số S10 –DN)
- Bảng tổng hợp Nhập – Xuất –Tồn

1.3.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

- Đối với công ty, việc quản lý hàng tồn kho do nhiều đơn vị, bộ phận tham gia nhưng việc quản lý tình hình nhập, xuất và tồn vật tư, hàng hóa chủ yếu do bộ phận kho và phòng kế toán của công ty thực hiện.

- Việc kế toán chi tiết NVL giữa phòng kế toán với kho có thể thực hiện theo các phương pháp sau:

- + Phương pháp thẻ song song
- + Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- + Phương pháp sổ số dư

1.3.2.1. Phương pháp thẻ song song

- Về nguyên tắc:

+ Ở kho: theo dõi nguyên vật liệu về mặt số lượng trên thẻ kho.

+ Ở bộ phận kế toán: theo dõi nguyên vật liệu về số lượng và giá trị trên sổ chi tiết nguyên vật liệu.

- Trình tự ghi sổ:

+ Tại kho:

• Hàng ngày, thủ kho nhận được các chứng từ nhập xuất, sau đó kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ, ghi số lượng nguyên vật liệu thực xuất, thực nhập vào chứng từ và thẻ kho. Cuối ngày, thủ kho phải tiến hành cộng nhập, xuất tính ra số tồn kho trên từng thẻ kho.

• Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho sắp xếp thẻ kho theo loại nhóm nguyên vật liệu và lập phiếu giao nhận chứng từ, sau đó chuyển những chứng từ đó cho phòng kế toán.

+ Tại bộ phận kế toán:

• Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết cho từng nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho của từng kho, để ghi chép cả số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận chứng từ nhập xuất, kế toán phải kiểm tra chứng từ, ghi đơn giá, tính thành tiền hoàn

chính, sau đó phân loại các chứng từ này và ghi vào sổ hoặc thẻ chi tiết số lượng, giá trị nhập xuất, tính ra giá trị và số lượng tồn nguyên vật liệu.

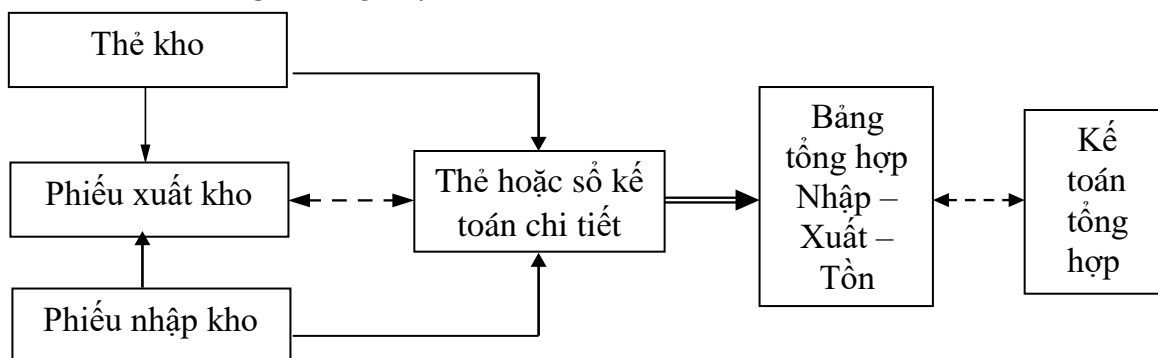
- Cuối tháng, kế toán tính tổng số nhập xuất và tồn kho và đối chiếu số liệu trên thẻ kho với số liệu trên sổ hoặc thẻ chi tiết. Nếu thấy đúng thì lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu rồi đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.

- Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp thẻ song song:

- + Ưu điểm: ghi chép đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu để phát hiện sai sót.

- + Nhược điểm: khối lượng ghi chép lớn, việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp.

- Điều kiện áp dụng: thích hợp với những công ty có ít chủng loại NVL, việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên.



*** Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow\text{-----}\longrightarrow$

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song

1.3.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Về nguyên tắc:

- + Ở kho: Ghi chép theo dõi về mặt số lượng trên thẻ kho.

- + Ở bộ phận kế toán: Theo dõi cả về số lượng và giá trị trên sổ đối chiếu luân chuyển.

- Trình tự ghi sổ:

- + Tại kho: Thủ kho mở thẻ kho để ghi chép về mặt số lượng của từng loại nguyên vật liệu giống như phương pháp thẻ song song.

- + Tại phòng kế toán:

Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép số lượng và giá trị của từng danh điểm nguyên vật liệu trong từng kho, sổ này được mở cho cả năm và mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp nhập xuất phát sinh trong tháng. Mỗi danh điểm vật tư được ghi một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển.

- Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất, kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh sau đó phân loại chứng từ và lập bảng kê nhập, bảng kê xuất theo từng danh điểm vật liệu.

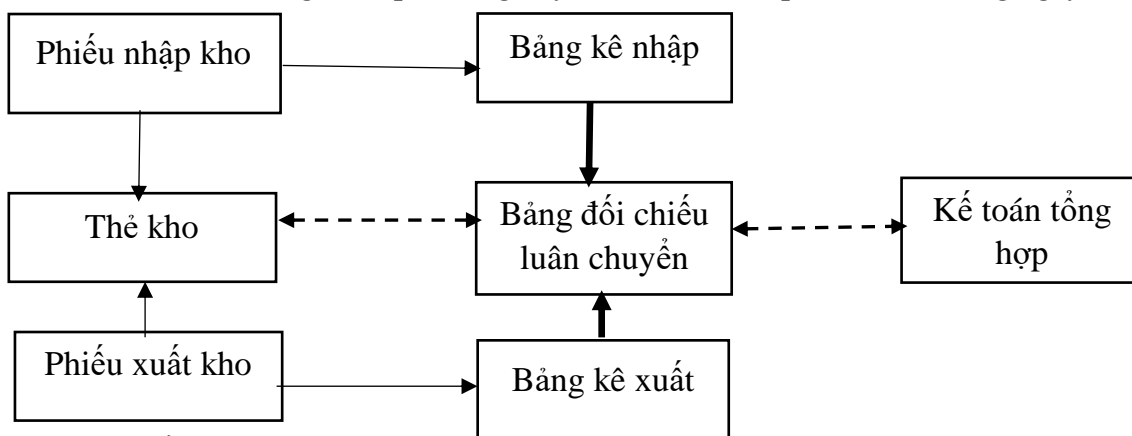
- Cuối tháng, kế toán đối chiếu số lượng và giá trị của nguyên vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với số lượng trên thẻ kho của thủ kho sau đó đối chiếu với giá trị trên sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

- Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp này:

- Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

- Nhược điểm: Việc ghi sổ kế toán vẫn còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng giữa kho và phòng kế toán, ghi chép dồn vào cuối tháng nên hạn chế việc kiểm tra của kế toán.

- Điều kiện áp dụng: Phù hợp với những công ty có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện theo dõi, ghi chép thường xuyên tình hình nhập xuất NVL hàng ngày.



* **Ghi chú:**

Ghi hàng ngày :

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :

Quan hệ đối chiếu kiểm tra :

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

1.3.2.3. Phương pháp sổ số dư

- Về nguyên tắc:

- Ở kho: Chỉ theo dõi về mặt số lượng nguyên vật liệu.

- Ở phòng kế toán: Chỉ theo dõi về mặt giá trị nguyên vật liệu.

- Trình tự ghi sổ:

- Tại kho:

- Hàng ngày hoặc định kỳ, thủ kho ghi vào thẻ kho sau đó tập hợp toàn bộ các chứng từ nhập xuất phân loại theo từng nhóm nguyên vật liệu quy định.

- Căn cứ vào kết quả phân loại, thủ kho lập phiếu giao nhận chứng từ nhập xuất. Phiếu giao nhận chứng từ được lập riêng cho chứng từ nhập, xuất. Sau khi lập xong, phiếu này được đính kèm với phiếu nhập, xuất chuyển cho phòng kế toán.

• Cuối tháng, căn cứ vào thẻ kho đã được kế toán kiểm tra, ghi số lượng vật liệu tồn kho cuối tháng vào từng loại vật liệu vào sổ số dư. Sổ số dư được mở cho từng kho, từng loại vật tư và được dùng cho cả năm. Sau khi ghi xong, sổ này được chuyển sang phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

+ Tại bộ phận kế toán:

• Căn cứ vào chứng từ nhập xuất do thủ kho chuyển sang, kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh chứng từ và tổng hợp số tiền của các chứng từ nhập xuất, ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, từ phiếu giao nhận chứng từ, kế toán ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm NVL vào bảng lũy kế nhập xuất tồn. Bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ.

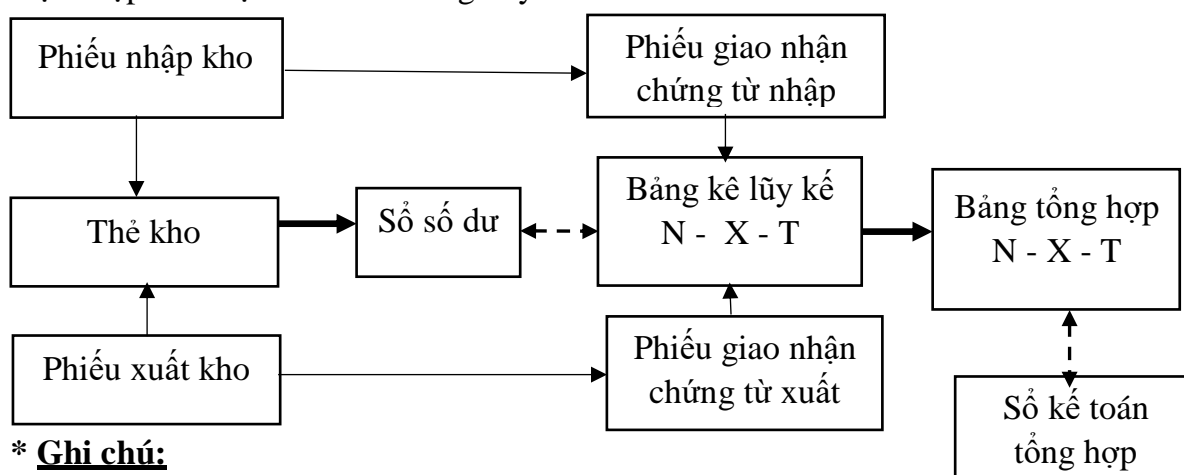
• Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm NVL. Số dư này được dùng để đối chiếu với số dư của từng thứ NVL trên Sổ số dư (trên Sổ số dư tính bằng cách lấy số lượng tồn kho x giá hạch toán).

- Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp này:

+ Ưu điểm: Giảm được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và bộ phận kế toán, công việc kế toán được thực hiện đều đặn trong tháng, kiểm tra, giám sát thường xuyên đối với nhập xuất NVL.

+ Nhược điểm: Khi sai sót rất khó kiểm tra, yêu cầu trình độ nhân viên ở kho và bộ phận kế toán cao.

- Điều kiện áp dụng: Phù hợp với công ty có nhiều chủng loại nguyên vật liệu và việc nhập xuất vật diễn ra thường xuyên.



* **Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra : \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.3. Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư

1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

1.4.1. Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ cái TK 152
- Sổ nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký sổ cái...(tùy thuộc vào hình thức ghi sổ kế toán được áp dụng).

1.4.2. Phương pháp kế toán nguyên vật liệu

Phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên: là phương pháp theo dõi, phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu trên sổ kế toán.

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn, theo đó doanh nghiệp sẽ thực hiện kiểm kê từng nghiệp vụ nhập, xuất kho. Các tài khoản hàng tồn kho sẽ dùng để phản ánh số hiện có tình hình tăng, giảm NVL.

Cuối kỳ, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế nguyên vật liệu tồn kho, so sánh đối chiếu với số lượng tồn trên kế toán để xác định số vật tư thừa, thiếu và truy tìm nguyên nhân để có giải pháp kịp thời.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 151 – Hàng mua đang đi đường
- TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu
- TK 153 – Công cụ, dụng cụ

❖ Kết cấu và nội dung các tài khoản:

➤ TK 151 “Hàng mua đang đi đường”: phản ánh giá trị các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng chưa về nhập kho doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- Giá trị vật tư, hàng hóa đang đi đường
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường cuối kỳ.

Bên Có:

- Giá trị vật tư, hàng hóa đang đi đường đã về nhập kho hoặc chuyển giao cho các đối tượng sử dụng hay khách hàng.
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường đầu kỳ.

Dư Nợ: giá trị hàng mua đang đi đường chưa về nhập kho.

➤ TK 152 “Nguyên liệu, vật liệu”: dùng để ghi chép số hiện có và tình hình tăng giảm NVL theo giá thực tế.

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài

gia công, chế biến, nhận vốn góp hoặc từ các nguồn khác.

- Trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Bên Có:

- Trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại khi mua nguyên liệu, vật liệu được hưởng.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Dư Nợ: Trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

➤ TK 153 “Công cụ, dụng cụ”:

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế công cụ, dụng cụ nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận vốn góp.

- Trị giá công cụ, dụng cụ cho thuê nhập lại kho.
- Trị giá thực tế công cụ, dụng cụ thừa phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển giá trị thực tế của công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ.

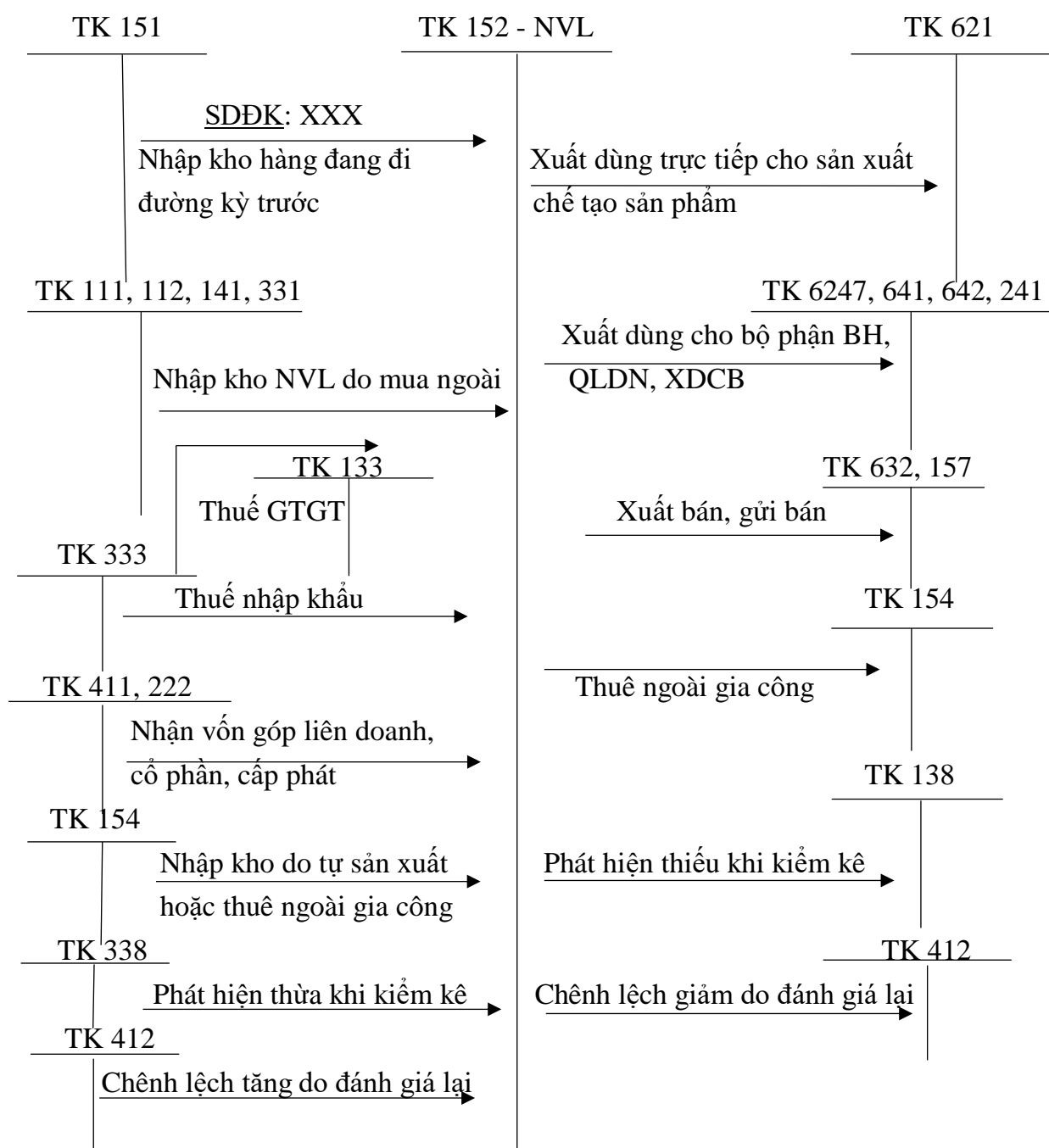
Bên Có:

- Trị giá thực tế công cụ, dụng cụ xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, cho thuê hoặc góp vốn.

- Chiết khấu thương mại khi mua công cụ, dụng cụ được hưởng.
- Trị giá công cụ, dụng cụ trả lại cho người bán hoặc được người bán giảm giá.
- Trị giá công cụ, dụng cụ thiếu phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển giá trị thực tế của công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ.

Dư Nợ: Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ tồn kho.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP MINH KHÔI

2.1. Giới thiệu khái quát chung về Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi

2.1.1.1. Thông tin chung về Công ty

- Tên công ty : Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi
- Tên giao dịch : Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi
- Địa chỉ : 164 Nguyễn Hoàng, P.Đống Đa, TP.Quy Nhơn, T.Bình Định
- Người ĐDPL: Võ Thị Sương
- Điện thoại: 0909580896
- Fax: 0909580896
- Mã số thuế: 4101500119
- Hình thức sở hữu: Công ty TNHH
- Lĩnh vực kinh tế: Xây dựng các công trình xây lắp
- Tài khoản: 051100006789 Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank) –

chi nhánh Quy Nhơn.

2.1.1.2. Thời điểm thành lập, các mốc quan trọng

a. Thời điểm thành lập

Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi (sau đây xin được viết tắt là “Công ty”), là một doanh nghiệp được ra đời theo giấy cấp phép thành lập số 361/GP-UB do UBND Tỉnh Bình Định cấp ngày 30/10/2010. Công ty là một công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được cấp phép mở tài khoản tại ngân hàng, có quyền quyết định các vấn đề trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty trong khuôn khổ của pháp luật Việt Nam và theo quy định của công ty.

b. Các mốc quan trọng

Ngay từ khi mới thành lập, công ty gặp rất nhiều khó khăn vì chưa có khả năng cạnh tranh thị trường và chưa được uy tín của khách hàng. Trong giai đoạn này, công ty liên tục thua lỗ, chưa có chỗ đứng trên thị trường.

Trước những khó khăn và thử thách to lớn đó, công ty đã có sự chuyển biến trong việc định hướng sản xuất, mở rộng ngành nghề và địa bàn hoạt động, thay đổi mô hình sản xuất, bổ sung cơ chế quản lý cho phù hợp tạo điều kiện để duy trì và phát triển sản xuất. Chính vì thế bước đầu chuyển sang xây dựng cơ bản, song nhờ chính quyền, sở Xây dựng tỉnh Bình Định và những mối quan hệ sẵn có, khả năng tài chính tốt,... tạo điều kiện để thị trường sản xuất kinh doanh ngày càng mở rộng, cơ sở vật chất, trang thiết bị ngày càng được củng cố và phát triển, bước đầu khẳng định được bước đi và sự tồn tại trong cơ chế thị trường tạo điều kiện cho sự tăng trưởng của các năm tiếp theo.

Từ 2010 đến nay, sản xuất của công ty không những được duy trì ổn định mà còn có sự phát triển và tăng trưởng vượt bậc cả về quy mô khối lượng và giá trị hoàn thành. Đây là giai đoạn mà công ty đã xác định cho mình một hướng đi đúng là chuyển hẳn sang xây dựng cơ bản từ đó đã có kế hoạch ổn định về tổ chức, tăng cường cán bộ kỹ thuật, mua sắm thiết bị, mở rộng thị trường sản xuất, cho nên giá trị sản lượng hàng năm đều tăng trưởng, thu nhập của người lao động ngày càng được cải thiện, từ đó công ty đã khẳng định vị trí vững vàng của mình trong cơ chế thị trường.

2.1.1.3. Quy mô hiện tại của Công ty

Hiện nay, tổng nguồn vốn của công ty là 10.691.960.000 đồng. Tổng lao động hiện tại 35 người, trong đó có 10 người là nhân viên quản lý, có một phòng làm việc, dãy nhà kho dùng chứa vật liệu xây dựng, sân bãi và máy móc, thiết bị xây dựng. Vậy theo nghị định số 80/2021/NĐ – CP ngày 26 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ thì công ty thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.1.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty những năm gần đây

Bảng 2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 – 2021

(ĐVT: Đồng)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		15.657.624.487	13.579.410.763
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		15.657.624.487	13.579.410.763
4. Giá vốn hàng bán	11		14.877.430.964	12.895.723.541
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		780.193.523	683.687.222
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		20.562.116	18.781.231
7. Chi phí tài chính	22		15.873.236	17.123.276
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		31.156.963	28.725.116
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		753.725.440	656.620.061
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		753.725.440	656.620.061
14. Chi phí thuế TNDN	51		150.745.088	131.324.012
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		602.980.352	525.296.049

(Nguồn: Phòng tài chính – Kế toán)

Nhận xét: Qua bảng số liệu trên ta thấy kết quả kinh doanh của công ty tăng theo từng năm. Cụ thể, doanh thu của năm 2021 tăng 2.078.213.724 đồng so với năm 2020. Doanh thu tăng làm cho tổng số thuế phải nộp vào NSNN 2021 tăng 97.105.379 đồng. Như vậy tỷ lệ lợi nhuận và đóng góp vào NSNN tăng chứng tỏ công ty trong thời gian này kinh doanh có hiệu quả. Tuy nhiên về lâu dài để cạnh tranh với các công ty khác trên thị trường thì công ty cần phải cố gắng nhiều hơn nữa.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty

2.1.2.1. Chức năng

- Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi là một công ty buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng và xây dựng các công trình xây lắp. Công ty tổ chức tham gia đấu thầu xây dựng, tạo công ăn việc làm cho người lao động, từng bước cải thiện đời sống cho cán bộ, công nhân viên của công ty, đóng góp vào ngân sách Nhà nước.

- Công ty có chức năng thực hiện thi công các công trình dân dụng, san ủi mặt bằng, khai thác cát, sỏi, đất sét, mua bán vật liệu xây dựng... đáp ứng nhu cầu xây dựng địa phương và vùng lân cận.

- Đấu thầu xây dựng, ký kết và thực hiện các hợp đồng đã ký kết, tuân thủ các chính sách, các chế độ quản lý kinh tế. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản của công ty để thực hiện các mục tiêu kinh tế, đồng thời chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

2.1.2.2. Nhiệm vụ

- Hoạt động kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Thực hiện tốt các hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư.

- Tuân thủ theo quy định của pháp luật về kế toán thống kê và chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan.

- Đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ với Nhà Nước.

- Đảm bảo chất lượng công trình.

- Tuân thủ theo quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên môi trường, di tích lịch sử văn hóa, trật tự an toàn xã hội và công tác phòng cháy chữa cháy.

- Hàng năm trích 5% lãi ròng để lập quỹ dự trữ bắt buộc cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ của công ty.

- Nhiệm vụ quan trọng nhất là kinh doanh có lãi đem về lợi nhuận cho công ty.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.3.1. Loại hình kinh doanh của công ty

• Đấu thầu xây dựng các loại.

• Xây dựng công trình, công trình dân dụng, kỹ thuật khác.

• Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Xây dựng công trình đường bộ.
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng.

2.1.3.2. Thị trường đầu vào của công ty

Để bắt kịp xu hướng phát triển của nền kinh tế, công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu về xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất để góp phần phát triển nền kinh tế. Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi chuyên bên lĩnh vực kinh doanh, buôn bán các vật liệu xây dựng và xây dựng các công trình xây lắp chính với các sản phẩm uy tín chất lượng như; thép pomina Việt Ý, xi măng Phúc Sơn, gạch Tuy nen,... được nhập về từ những doanh nghiệp sản xuất sản phẩm uy tín trên thị trường như: Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định, Công ty cổ phần Petec Bình Định, Công ty TNHH TM và sản xuất Thép Việt CN Quy Nhơn.

2.1.3.3. Thị trường đầu ra của công ty

Là công ty TNHH Tổng hợp nhưng chuyên bên mảng xây dựng nên đầu ra của công ty là cung ứng vật liệu cho các cá nhân, các công trình, công nghiệp,... trong và ngoài tỉnh. Công ty cũng có những khách hàng thân thiết là đối tác kinh doanh thường xuyên như Công ty TNHH TMDV Hải Vân; Công ty TNHH SX TM Đức Phong.

2.1.3.4. Vốn kinh doanh của Công ty

Vốn kinh doanh của công ty được huy động từ bên trong lẫn bên ngoài.

Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng.

Bảng 2.2. Nguồn vốn kinh doanh của Công ty năm 2020 - 2021

DVT: Đồng

NGUỒN VỐN	SỐ TIỀN
A.NỢ PHẢI TRẢ	6.952.198.757
I. Nợ ngắn hạn	6.952.198.757
II. Nợ dài hạn	0
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.739.761.243
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.000.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.324.185.544
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	415.575.699

(Nguồn: Phòng kế toán)

Nhận xét: Qua bảng số liệu trên cho thấy, Công ty TNHH Tổng Hợp Minh Khôi. Năm 2021, tổng nguồn vốn của Công ty là 10.691.960.000 đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là 3.739.761.243 đồng, chiếm 34,98%, nợ phải trả là 6.952.198.757 đồng, chiếm 65,02%.

Như vậy cơ cấu tổ chức Công ty tương đối hợp lý.

2.1.3.5. Đặc điểm về các nguồn lực chủ yếu của Công ty

a. Đặc điểm tài sản cố định

Bảng 2.3. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2021

(ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2020
Nguyên giá	50.412.000
Hao mòn lũy kế	0
Giá trị còn lại	50.412.000

(Nguồn: Phòng kế toán)

b. Đặc điểm lao động

Trong công ty chia làm hai bộ phận chính đó là:

- Bộ phận lao động trực tiếp
- Bộ phận lao động gián tiếp

Bảng 2.4. Số lượng cán bộ công nhân viên trong năm 2020 – 2021

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lao động (người)	30	35
Nhân viên quản lý (người)	12	15
Công nhân trực tiếp sản xuất	18	20

(Nguồn: Phòng kế toán)

Bảng 2.5. Bảng phân loại lao động theo trình độ tính đến năm 2021

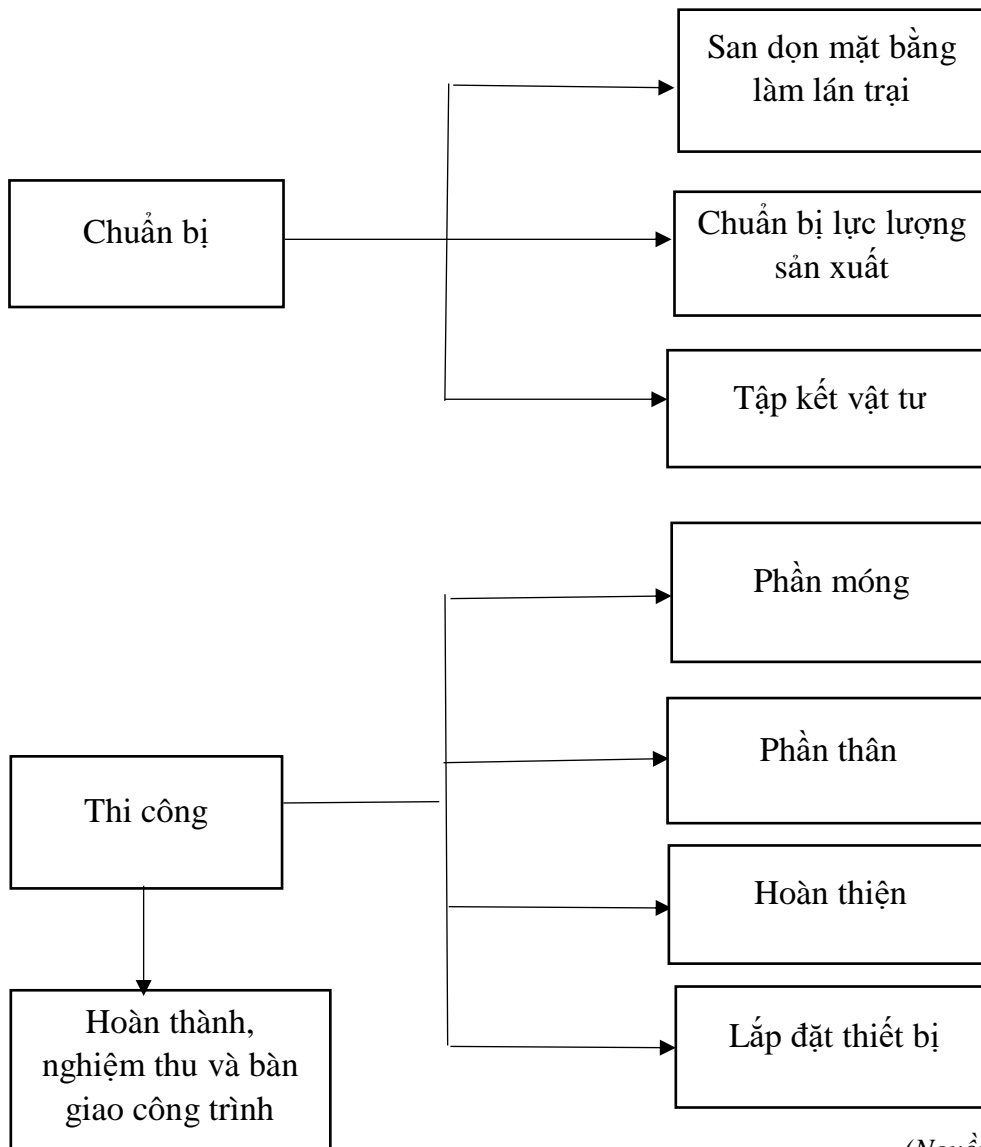
Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cán bộ trình độ Đại học	10	28,57
Cán bộ trung cấp	5	14,29
Lao động phổ thông	20	57,14

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.1.4. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý tại Công ty

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại Công ty

- Lĩnh vực mà công ty đang hoạt động là xây dựng các công trình xây lắp.



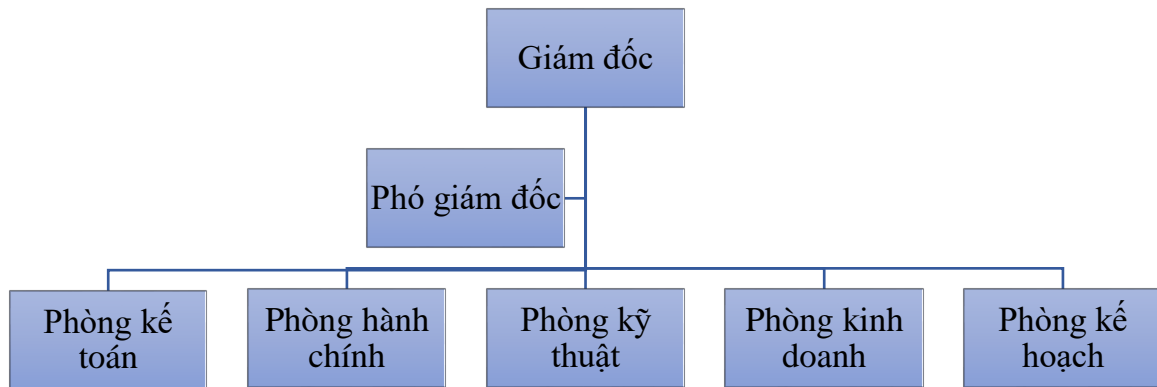
(Nguồn: Phòng kỹ thuật)

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ quá trình xây dựng công trình của Công ty

Giải thích quy trình:

- San dọn mặt bằng làm lán trại: sau khi kí kết hợp đồng với chủ đầu tư, tiến hành giao mặt bằng cho bên nhận đầu tư để tiến hành làm lán trại cho công nhân thi công.
- Chuẩn bị lực lượng sản xuất: sau khi san dọn mặt bằng làm lán trại, để tiến hành thi công thì phải chuẩn bị lực lượng sản xuất đủ trình độ chuyên môn và đủ sức khỏe để thi công công trình một cách thuận lợi.
- Đơn vị thi công: tiến hành nhận mặt bằng thi công công trình.
- Thi công đào móng xây dựng cốt thép móng và tiến hành đổ bê tông móng.
- Phần thân, nghiên cứu nghiệm thu cốt thép, đổ bê tông trụ, xây dựng nghiệm thu cốt thép dầm sàn đổ bê tông.
- Công tác hoàn thiện, trang trí nội thất kết hợp lắp dựng nhà cửa cho phù hợp.
- Sau khi làm công tác hoàn thiện đơn vị thi công tiến hành mời bên khách hàng nghiệm thu kỹ thuật thấy đạt thì chuẩn bị công tác bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty



(Nguồn: Phòng hành chính)

Sơ đồ 2.2. Bộ máy quản lý của công ty

Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban:

- Giám đốc: có nhiệm vụ lãnh đạo chung cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm mọi mặt của sản xuất kinh doanh và đời sống của cán bộ, công nhân viên toàn chi nhánh. Giám đốc là đại diện pháp nhân của công ty, trực tiếp điều hành và quyết định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Phó giám đốc: có vai trò hỗ trợ và những công việc mà giám đốc giao.

- Phòng kế toán: tham mưu cho Giám đốc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán và thống kê, đồng thời kiểm tra, kiểm soát công tác tài chính của công ty. Phòng kế toán có trách nhiệm quản lý các nguồn vốn, bảo toàn sử dụng vốn có hiệu quả, thanh toán các hợp đồng kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, cung cấp số liệu cho việc điều hành sản xuất, lập báo cáo quyết toán hàng quý, hàng năm theo quy định.

- Phòng hành chính: có chức năng tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy quản lý sản xuất, theo dõi tình hình tăng giảm công nhân viên trong công ty, điều động sắp xếp lực lượng sản xuất lao động, thực hiện các chính sách tiền lương đối với người lao động, bảo hộ lao động, công tác bảo hiểm y tế.

- Phòng kỹ thuật: chịu trách nhiệm về bản vẽ thiết kế do khách hàng quản lý và ban hành quy trình công nghệ sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật, bồi dưỡng kỹ thuật bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị của toàn công ty.

- Phòng kế hoạch: chịu trách nhiệm về chất lượng nguồn nguyên liệu, thời gian hoàn thành công trình với hợp đồng của khách hàng, định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu cho quá trình sản xuất.

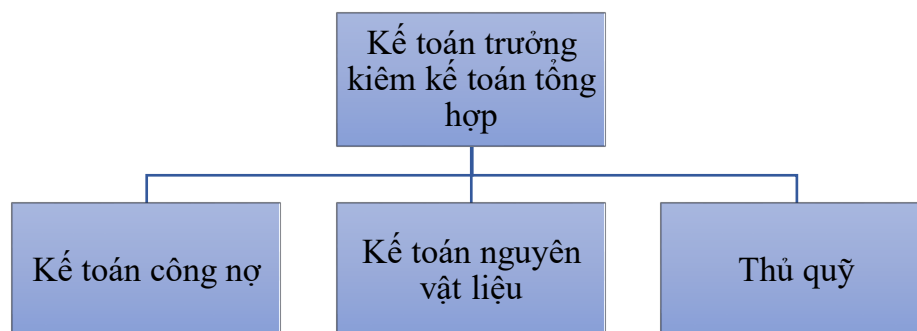
- Phòng kinh doanh: chịu trách nhiệm về lĩnh vực kinh doanh của công ty, tạo mối quan hệ với bạn hàng, quảng cáo về công ty.

2.1.5. Đặc điểm kế toán tại Công ty

2.1.5.1. Mô hình kế toán tại Công ty

Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, tức là toàn bộ công việc cần xử lý và thông tin trong toàn bộ công ty được thực hiện ở phòng kế toán. Phòng kế toán tiến hành các công việc như: kiểm định, lập và phân loại chứng từ, kế toán ghi sổ tổng hợp và lập báo cáo kế toán, kiểm tra đối chiếu sổ sách.

2.1.5.2. Bộ máy kế toán tại Công ty



(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.3. Bộ máy kế toán của Công ty

Chức năng và nhiệm vụ của từng kế toán

Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp: là người lãnh đạo toàn bộ công tác kế toán của công ty, chịu trách nhiệm trước ban Giám đốc về các hoạt động tài chính hàng tháng, hàng quý, hàng năm của đơn vị.

Kế toán thanh toán công nợ: lập chứng từ thu chi tiền mặt, tiền gửi, chuyển khoản vào chi tiết, theo sổ dõi tình hình công nợ của công ty với các đơn vị có liên quan.

Kế toán nguyên vật liệu: là người trực tiếp theo dõi những biến động của vật tư, cung cấp kịp thời số liệu về tình hình sử dụng vật tư.

Thủ quỹ: là người làm nhiệm vụ quản lý tiền mặt của đơn vị. Hàng ngày, hàng tháng, hàng quý thủ quỹ tiến hành kiểm tra đối chiếu sổ sách.

2.1.5.3. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty

Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi đang áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ nhân viên kế toán cũng như việc ứng dụng công nghệ vào xử lý số liệu.

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

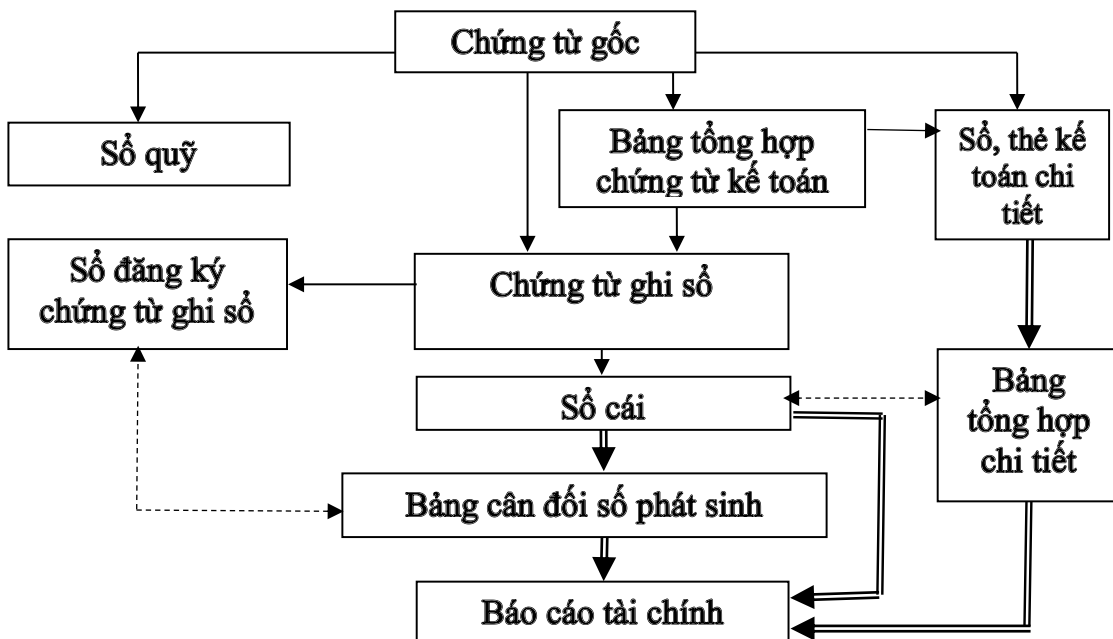
- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm: ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

• Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và phải có chứng từ gốc đi kèm thì mới có đủ căn cứ ghi sổ kế toán.

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ:



- Ghi chú:**
- > Ghi hằng ngày
 - > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - > Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ

➤ Trình tự ghi sổ

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân

đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

2.1.5.4. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

Chính sách kế toán tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi được thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Hệ thống tài khoản áp dụng của công ty giống hệ thống tài khoản kế toán thống nhất hiện hành trong các doanh nghiệp của Bộ Tài Chính và bổ sung thêm tài khoản cấp 2 ở tài khoản chi phí cho phù hợp với đơn vị.

- Niên độ kế toán: từ ngày 01 tháng 01 và đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: VNĐ.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Nhập trước – xuất trước.

- Phương pháp tính khấu hao: Phương pháp đường thẳng.

- Hình thức sổ kế toán: Hình thức chứng từ ghi sổ.

Công ty sử dụng thống nhất mẫu chứng từ kế toán được quy định theo chế độ kế toán, mẫu chứng từ được in sẵn và được bảo quản cẩn thận tại công ty.

2.2. Thực trạng về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi

2.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty

Sản phẩm của doanh nghiệp chủ yếu là các công trình, các hạng mục công trình có khối lượng về giá trị lớn. Thời gian thi công và hoàn thành công trình tương đối dài. Sản phẩm của công ty có vị trí cố định chiếm một khoảng không gian rộng lớn. Hầu hết sản phẩm của công ty đều có giá trị lớn, do đó mức độ ảnh hưởng của nó đến nền kinh tế rất lớn. Bên cạnh đó sản phẩm có thời gian thi công kéo dài vì vậy nhiều công trình được thực hiện đang xen với nhau thậm chí có công trình cùng tiến độ thi công vì thế đòi hỏi doanh nghiệp phải đáp ứng nhu cầu nguyên vật liệu không chỉ đủ về mặt khối lượng mà còn đảm bảo chất lượng và kịp thời nhằm giúp cho quá trình thi công diễn ra đúng tiến độ.

2.2.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty

Để thuận tiện cho quá trình theo dõi, kiểm kê và phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh mà nguyên vật liệu ở công ty được phân thành các loại chủ yếu để phục vụ cho từng lĩnh vực như sau:

+ Nguyên vật liệu chính: là đối tượng lao động chính trong quá trình sản xuất, nó là cơ sở vật chất để cấu thành nên thực thể sản phẩm. Nguyên vật liệu chính của công ty gồm có xi măng, cát, đá, dầu,...

+ Nguyên vật liệu phụ: là những thứ nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành nên thực thể của sản phẩm mà có tác dụng làm tăng thêm chất lượng sản phẩm, tăng thêm giá trị sử dụng của sản phẩm,...Nguyên vật liệu phụ của công ty gồm tôn, sơn, gạch,...

2.2.3. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu tại công ty

2.2.3.1. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Đối với nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho:

Tất cả các loại NVL sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty đều ghi theo giá thực tế và giá được tính cho NVL nhập trong kỳ là giá thực tế nhập kho. Phương pháp tính:

Giá thực tế của NVL nhập kho	=	Giá mua trên hoá đơn(chưa thuế VAT)	+	Chi phí thu mua chưa thuế (nếu có)	+	Các khoản thuế không được hoàn lại	-	Các khoản giảm trừ nếu có (nếu có)
------------------------------	---	-------------------------------------	---	------------------------------------	---	------------------------------------	---	------------------------------------

VD: : Theo hóa đơn số 0000234 ngày 15/01/2022 của Công ty TNHH MTV Xi Măng Phúc Sơn – Bình Định bán cho Công ty TNHH Tổng Hợp Minh Khôi với số lượng 150.000 kg xi măng P400 với giá 1.500/kg, thuế GTGT 10%.

Vì không có các chi phí phát sinh trong quá trình thu mua nên:

+ Giá thực tế nhập kho của xi măng P400 nhập kho được tính là:

Số tiền thanh toán: $1.500 \times 150.000 = 225.000.000$ đồng

2.2.3.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Do tính chất và đặc điểm hoạt động sản xuất nên Công ty đang áp dụng phương pháp xuất kho nguyên vật liệu theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

Bảng tính giá nguyên vật liệu tháng 01/2022 của một số loại nguyên vật liệu như sau:

- Đối với vật liệu xi măng P400:

Công ty TNHH TH Minh Khôi

164 Nguyễn Hoàng, P.Đông Đa, TP.Quy Nhơn

BẢNG TÍNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Tên nguyên vật liệu: Xi măng P400

Theo phương pháp: Nhập trước – xuất trước

ĐVT: 1000 đồng

Ngày tháng	Diễn giải	Nhập			Xuất			Tồn		
		SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT
	<u>Tồn đầu kỳ</u>							<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>
05/01	Nhập kho	150.000	1,5	225.000				150.000	1,5	225.000
09/01	Xuất kho				80.000	1,5	120.000	70.000	1,5	105.000
15/01	Nhập kho	150.000	1,5	225.000				220.000	1,5	330.000
16/01	Xuất kho				100.000	1,5	150.000	120.000	1,5	180.000
29/01	Xuất kho				120.000	1,5	180.000	0	0	0
	Cộng SPS	300.000	x	450.000	300.000	x	450.000			
	<u>Tồn cuối kỳ</u>	x	x	x	x	x	x	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

- Đối với vật liệu sắt ø 12:

Công ty TNHH TH Minh Khôi

164 Nguyễn Hoàng, P.Đông Đa, TP.Quy Nhơn

BẢNG TÍNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Tên nguyên vật liệu: Sắt ø 12

Theo phương pháp: Nhập trước – xuất trước

ĐVT: 1000 đồng

Ngày tháng	Diễn giải	Nhập			Xuất			Tồn		
		SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT
	<u>Tồn đầu</u> <u>kỳ</u>							<u>9.000</u>	<u>15,5</u>	<u>139.500</u>
09/01	Nhập kho	2.250	15,5	34.875				11.250	15,5	174.375
14/01	Xuất kho				2.250	15,5	34.875	9.000	15,5	139.500
15/01	Nhập kho	2.000	15,5	31.000				11.000	15,5	170.500
16/01	Xuất kho				5.300	15,5	82.150	5.700	15,5	88.3500
29/01	Xuất kho				5.000	15,5	77.500	700	15,5	10.850
	Cộng SPS	4.250	x	65.875	12.550	x	194.525			
	<u>Tồn cuối</u> <u>kỳ</u>	x	x	x	x	x	x	<u>700</u>	<u>15,5</u>	<u>10.850</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

- Đối với vật liệu thép ø 10:

Công ty TNHH TH Minh Khôi

164 Nguyễn Hoàng, P.Đông Đa, TP.Quy Nhơn

BẢNG TÍNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Tên nguyên vật liệu: Thép ø 10

Theo phương pháp: Nhập trước – xuất trước

ĐVT: 1000 đồng

Ngày tháng	Diễn giải	Nhập			Xuất			Tồn		
		SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT
	<u>Tồn đầu</u> <u>kỳ</u>							<u>1.000</u>	<u>13,8</u>	<u>13.800</u>
09/01	Nhập kho	1.500	13,8	20.700				2.500	13,8	34.500
14/01	Xuất kho				1.450	13,8	20.010	1.050	13,8	14.490
15/01	Nhập kho	1.000	13,8	13.800				2.050	13,8	
20/01	Nhập kho	2.500	13,8	34.500				4.550	13,8	62.790
	Cộng SPS	5.000	x	69.000	1.450	x	20.010			
	<u>Tồn cuối</u> <u>kỳ</u>	x	x	x	x	x	x	<u>4.550</u>	<u>13,8</u>	<u>62.790</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.4. Chứng từ sử dụng và trình tự luân chuyển chứng từ

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan

2.2.4.2. Trình tự luân chuyển chứng từ

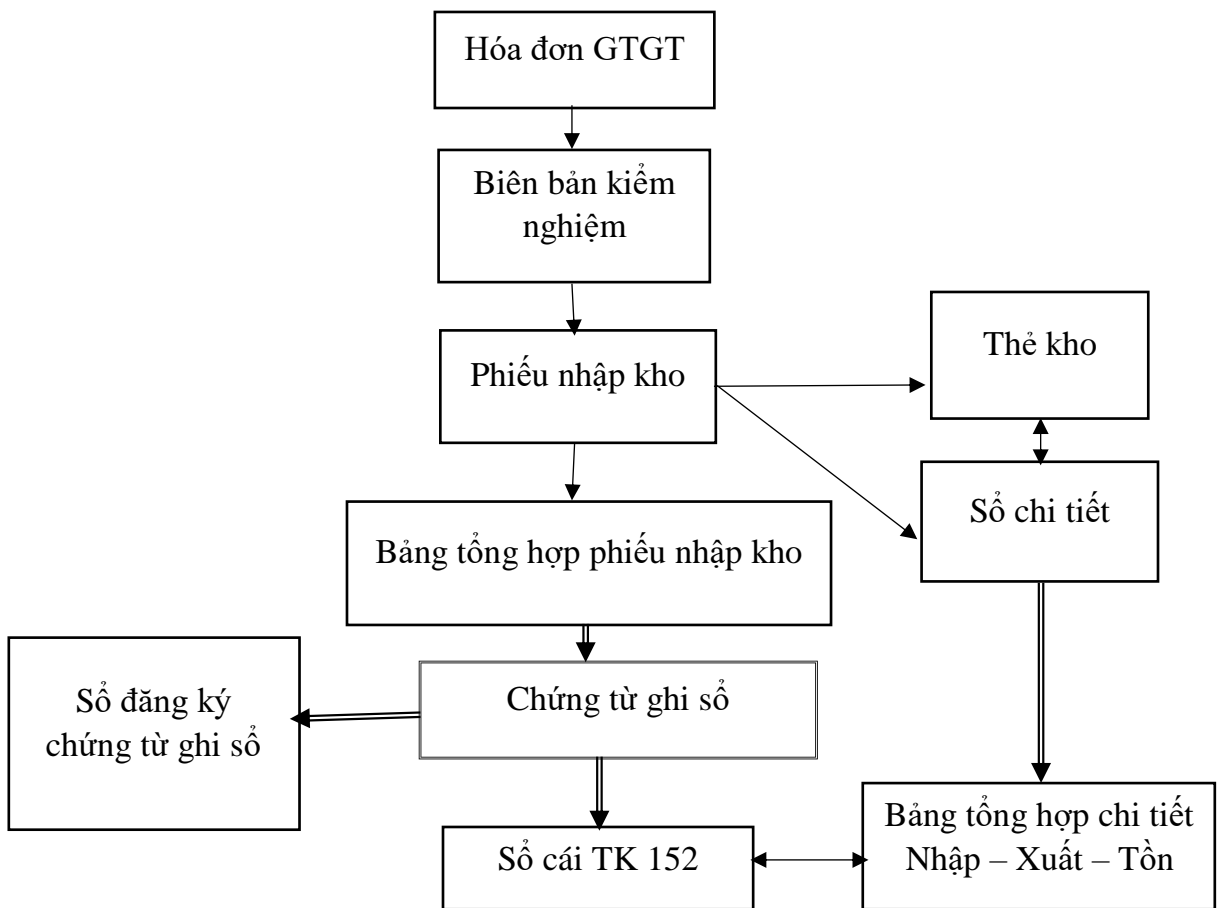
☛ Đối với nguyên vật liệu nhập kho

Khi nguyên vật liệu được vận chuyển về đến đơn vị, căn cứ vào hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng do người bán lập, ban kiểm nghiệm vật tư tiến hành kiểm tra

nguyên vật liệu mua về có đúng số lượng, chất lượng, chủng loại theo hợp đồng mua hàng hay không. Sau đó, lập Biên bản kiểm nghiệm vật tư và chuyển về phòng kế toán. Nếu nguyên vật liệu không đạt yêu cầu sẽ thông báo cho giám đốc để chờ xử lý. Nếu số nguyên vật liệu này đúng yêu cầu, quy cách, phẩm chất thì ban kiểm nghiệm ký vào biên bản. Biên bản kiểm nghiệm được lập thành 2 liên: 1 liên giao lưu tại kho, 1 liên giao cho bộ phận kế toán.

Căn cứ vào biên bản kiểm nghiệm và các hóa đơn, kế toán vật tư lập phiếu nhập kho nhằm xác định số lượng nguyên vật liệu nhập kho. Phiếu này được lập thành 3 liên: 1 liên được lưu tại phòng kế toán để ghi sổ chi tiết, 1 liên chuyển cho thủ kho để ghi thẻ kho và liên còn lại giao cho người nhập hàng.

Căn cứ vào phiếu nhập kho, thủ kho tiến hành nhập nguyên vật liệu theo đúng số lượng trong phiếu, ký vào phiếu nhập kho và ghi số lượng thực nhập vào thẻ kho. Cuối cùng, kế toán phân hành tổ chức bảo quản và lưu trữ phiếu nhập kho.



(Nguồn: Phòng kế toán)

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra : \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển chứng từ nguyên vật liệu nhập kho

Cụ thể trong tháng 01/2022, Công ty TNHH Tổng Hợp Minh Khôi có mua nguyên vật liệu của Công ty TNHH MTV Xi Măng Phúc Sơn – Bình Định. Công ty nhận được hóa đơn như sau: (Trích 1 hóa đơn trong tháng 01/2022)

HÓA ĐƠN GTGT

Mẫu số: 01GTKT0/001

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ký hiệu: TP/21E

Ngày 15 tháng 01 năm 2022

Số: 0000234

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV Xi Măng Phúc Sơn – Bình Định

Địa chỉ: Lô B5-05 KCN A, Khu kinh tế Nhơn Hội – X. Nhơn Hội – TP.Quy Nhơn

Số tài khoản: 58010000001870 tại NH ĐT&PT Bình Định

Điện thoại: 0256.3813156

MST: 4101055757

Họ và tên người mua hàng: Trần Văn Hiếu

Tên đơn vị: Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi

Địa chỉ: 164 Nguyễn Hoàng, P.Đông Đa, TP.Quy Nhơn

Số tài khoản: 051100006789 Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank) – chi nhánh Quy Nhơn.

Hình thức thanh toán: CK

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xi măng P400	kg	150.000	1.500	225.000.000
2	Sắt ø 12	kg	2.000	15.500	31.000.000
3	Thép ø 10	kg	1.000	13.800	13.800.000
Cộng tiền hàng:					269.800.000
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT:		26.980.000
Tổng tiền thanh toán:					296.780.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn.					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Sau khi mua vật tư về, bộ phận kiểm tra chất lượng vật tư căn cứ vào hóa đơn và kiểm tra số lượng, quy cách, phẩm chất vật tư. Nếu thấy đúng số lượng, phẩm chất, quy cách thì tiến hành lập Biên bản kiểm nghiệm vật tư.

Đơn vị: Cty TNHH TH Minh Khôi

Mẫu số: 03 - VT

Địa chỉ: 164 Nguyễn Hoàng - Quy Nhơn (Ban hành kèm theo TT 200/2014/TT-BTC)

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ
VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Ngày 15 tháng 01 năm 2022

Theo hóa đơn số: 0000234 ngày 15 tháng 01 năm 2022

Ban kiểm nghiệm gồm:

Bà: Trần Thị Thu Hương Chức vụ: Kế toán trưởng Trưởng ban

Bà: Nguyễn Văn Dũng Chức vụ: Kỹ thuật Ủy viên

Ông: Trần Văn Đạt Chức vụ: Thủ kho Ủy viên

Phương thức kiểm nghiệm: Kiểm nghiệm đo đếm thực tế số lượng, chất lượng

Đã tiến hành kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

STT	Tên vật tư	Mã số	Đvt	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					Số đúng quy cách	Số sai quy cách	
1	Xi măng P400		kg	150.000	150.000	0	
2	Sắt ø 12		kg	2.000	2.000	0	
3	Thép ø 10		kg	1.000	1.000	0	

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm: Hàng đủ số lượng, đúng quy cách, đúng chất lượng yêu cầu nhập kho.

Đại diện kỹ thuật

Kế toán

Thủ kho

(Ký tên)

(Ký tên)

(Ký tên)

Đơn vị: Công ty TNHH TH Minh Khôi				Mẫu: 01-VT			
Địa chỉ: 164 Nguyễn Hoàng - Quy nhơn (Ban hành kèm theo TT 200/2014/TT-BTC)							
PHIẾU NHẬP KHO				Nợ TK 152			
Ngày 15 tháng 01 năm 2022				Có TK 331			
Số: 055							
Họ tên người giao hàng: Trần Văn Hiếu							
Theo hóa đơn số: 0000234 ngày 15 tháng 01 năm 2022							
Nhập kho tại: Công ty							
STT	Tên nhãn hiệu quy cách, cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Yêu cầu	Thực nhập		
1	Xi măng P400		Kg	150.000	150.000	1.500	225.000.000
2	Sắt ø 12		Kg	2.000	2.000	15.500	31.000.000
3	Thép ø 10		kg	1.000	1.000	13.800	13.800.000
Cộng	x	x	x	x	x	x	269.800.000

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm sáu mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

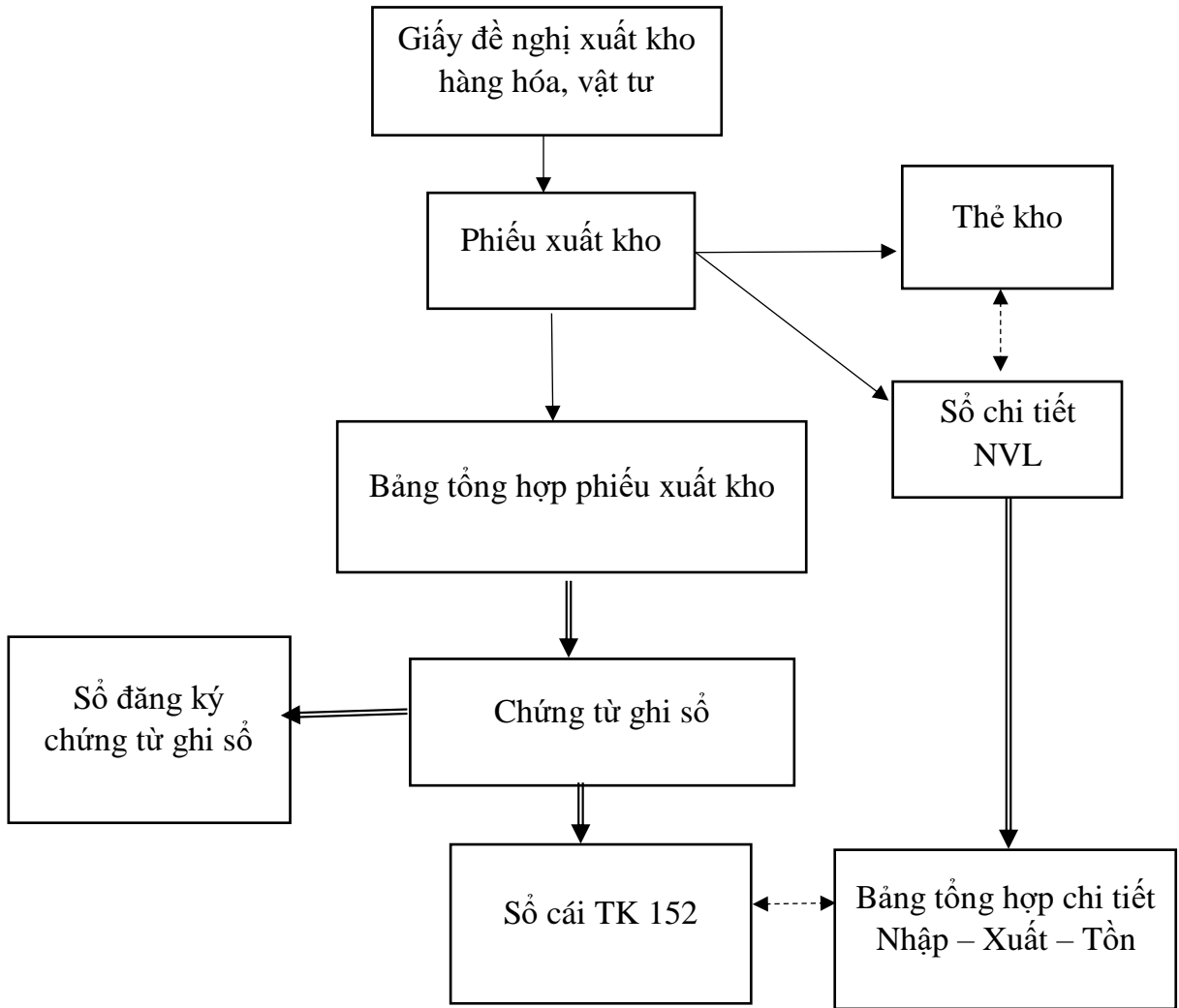
Ngày 15 tháng 01 năm 2022

Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng
(Ký tên)	(Ký tên)	(Ký tên)	(Ký tên)

☛ Đối với nguyên vật liệu xuất kho

Để tiến hành xuất nguyên vật liệu dùng cho sản xuất, các đội sản xuất lập phiếu đề nghị xuất vật tư sau đó gửi Giám đốc ký duyệt. Căn cứ vào yêu cầu của các phân xưởng sản xuất cũng như các đội xây lắp, Giám đốc ra quyết định ký duyệt sau đó chuyển về phòng kế toán để làm căn cứ lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: lưu tại bộ phận lập và ghi vào sổ chi tiết
 - + Liên 2: giao cho người nhận nguyên vật liệu
 - + Liên 3: giao cho thủ kho để xuất nguyên vật liệu và ký ghi số lượng thực xuất vào phiếu xuất kho. Sau đó thủ kho dùng phiếu xuất kho này để ghi vào thẻ kho,
- Cuối cùng, phiếu xuất kho được lưu trữ tại các phòng ban.



(Nguồn: Phòng kế toán)

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra : \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.6. Quy trình luân chuyển chứng từ nguyên vật liệu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH TH Minh Khôi

Địa chỉ: 164 Nguyễn Hoàng - Quy Nhơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ, HÀNG HÓA, CCDC

Kính gửi: Ban lãnh Công ty TNHH Tổng Hợp Minh Khôi

Tôi tên: Trần Quốc Dũng

Mục đích xuất kho: chế biến 300 trụ bê tông ly tâm 8,4m như sau:

STT	Tên vật tư	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1	Xi măng P400	kg	100.000	
2	Đá 2x4	m ³	40	
3	Đá 1x2	m ³	60	
4	Sắt ø 12	kg	1.500	
5	Thép ø 10	kg	850	
6	Nhớt bôi trơn	lít	120	

Ngày 16 tháng 01 năm 2022

Người đề nghị

(Ký tên)

Thủ kho

(Ký tên)

Ban lãnh đạo

(Ký tên)

Căn cứ vào phiếu đề nghị xuất vật tư của Ban lãnh đạo xét duyệt, kế toán vật tư tiến hành lập phiếu xuất kho.

Đơn vị: Công ty TNHH TH Minh Khôi				Mẫu: 02-VT			
Địa chỉ: 164 Nguyễn Hoàng - Quy Nhơn (Ban hành kèm theo TT 200/2014/TT-BTC)							
PHIẾU XUẤT KHO				Nợ TK 621			
Ngày 16 tháng 01 năm 2022				Có TK 152			
Số: 56							
Họ tên người nhận hàng: Trần Quốc Dũng							
Lý do xuất kho: chế biến 300 trụ bê tông ly tâm 8,4m							
Xuất tại kho: Công ty							
STT	Tên nhãn hiệu quy cách, cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xi măng P400		kg	100.000	100.000	1.500	150.000.000
2	Đá 2x4		m ³	40	40	227.270	9.090.800
3	Đá 1x2		m ³	60	60	245.450	14.727.000
4	Sắt ø 12		kg	1.500	1.500	15.500	23.250.000
5	Thép ø 10		kg	850	850	13.800	11.730.000
6	Nhớt bôi trơn		lít	120	120	35.000	4.200.000
	Tổng cộng		x	x	x	x	212.997.800
-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm mười hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm đồng.							
-Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc							
				Ngày 16 tháng 01 năm 2022			
Người lập	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc			
(Ký tên)	(Ký tên)	(Ký tên)	(Ký tên)	(Ký tên)		(Ký tên)	

2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi áp dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Theo phương pháp này tại phòng kế toán và tại kho tiến hành ghi chép như sau:

★ Trình tự ghi chép ở phòng kế toán:

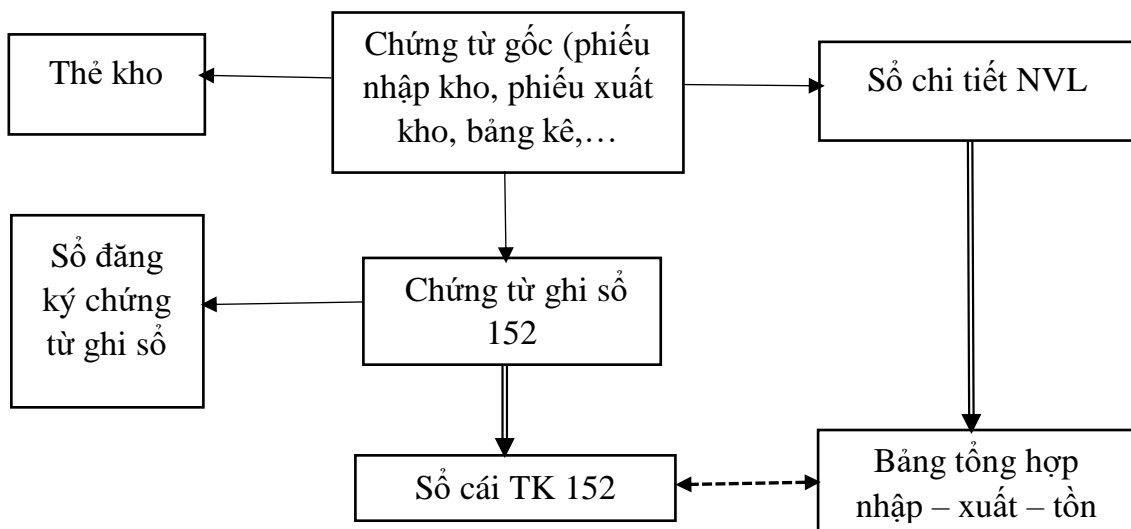
+ Kế toán sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn NVL cả về số lượng và giá trị.

+ Định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất NVL được các thủ kho chuyển lên, kế toán tiến hành kiểm tra và phản ánh vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

+ Cuối tháng, sau khi ghi chép toàn bộ các nghiệp vụ nhập, xuất vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán tiến hành cộng tổng nhập, tổng xuất và tổng tồn kho về mặt số lượng và giá trị. Sau đó, tiến hành đối chiếu với các thẻ kho do các thủ kho chuyển lên.

+ Đồng thời, cuối tháng kế toán căn cứ vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu và Thẻ kho của thủ kho để lập Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu.

Căn cứ vào các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thủ kho tiến hành ghi số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho. Đến cuối tháng, kế toán vật tư tập hợp các thẻ kho lại để kiểm tra và đối chiếu với sổ chi tiết nguyên vật liệu.



* **Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.7. Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu

Cụ thể cho vật tư xi măng P400, thủ kho tiến hành ghi như sau:

Công ty TNHH TH Minh Khôi

Mẫu: S12-DN

Địa chỉ: 164 Nguyễn Hoàng - Quy Nhơn

*(Ban hành kèm theo TT 200/2014/TT-BTC)***THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: 05/01/2022

Tên kho: Kho vật liệu

Tên quy cách vật liệu: Xi măng P400

ĐVT: kg

STT	Ngày, tháng	Số hiệu CT		Diễn giải	Ngày N – X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
A	B	C	D	E	F	1	2	3
				<u>Tồn đầu kỳ</u>				<u>0</u>
1	05/01	033		Nhập kho	05/01	150.000		150.000
2	09/01		026	Xuất kho	09/01		80.000	70.000
3	15/01	055		Nhập kho	15/01	150.000		220.000
4	16/01		056	Xuất kho	16/01		100.000	120.000
5	29/01		082	Xuất kho	29/01		120.000	0
				Cộng SPS		300.000	300.000	
				<u>Tồn cuối kỳ</u>	x	x	x	<u>0</u>

Ngày 05 tháng 01 năm 2022

Người lập*(Ký tên)***Kế toán trưởng***(Ký tên)***Giám đốc***(Ký tên)*

Công ty TNHH TH Minh Khôi

Mẫu: S12-DN

Địa chỉ: 164 Nguyễn Hoàng - Quy Nhơn

(Ban hành kèm theo TT 200/2014/TT-BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 09/01/2022

Tên kho: Kho vật liệu

Tên quy cách vật liệu: Sắt ø 12

ĐVT: kg

STT	Ngày, tháng	Số hiệu CT		Diễn giải	Ngày N – X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
A	B	C	D	E	F	1	2	3
				<u>Tồn đầu kỳ</u>				<u>9.000</u>
1	09/01	041		Nhập kho	09/01	2.250		11.250
2	14/01		039	Xuất kho	14/01		2.250	9.000
3	15/01	055		Nhập kho	15/01	2.000		11.000
4	16/01		056	Xuất kho	16/01		5.300	5.700
5	29/01		082	Xuất kho	29/01		5.000	700
				Cộng SPS		4.250	12.550	
				<u>Tồn cuối kỳ</u>	x	x	x	<u>700</u>

Ngày 09 tháng 01 năm 2022

Người lập

(Ký tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên)

Giám đốc

(Ký tên)

Công ty TNHH TH Minh Khôi

Mẫu: S12-DN

Địa chỉ: 164 Nguyễn Hoàng - Quy Nhơn

(Ban hành kèm theo TT 200/2014/TT-BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 09/01/2022

Tên kho: Kho vật liệu

Tên quy cách vật liệu: Thép ϕ 10

ĐVT: kg

STT	Ngày, tháng	Số hiệu CT		Diễn giải	Ngày N – X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
A	B	C	D	E	F	1	2	3
				<u>Tồn đầu kỳ</u>				<u>1.000</u>
1	09/01	041		Nhập kho	09/01	1.500		2.500
2	14/01		039	Xuất kho	14/01		1.450	1.050
3	15/01	055		Nhập kho	15/01	1.000		2.050
4	20/01	071		Nhập kho	20/01	2.500		4.550
				Cộng SPS		5.000	1.450	
				<u>Tồn cuối kỳ</u>	x	x	x	<u>4.550</u>

Ngày 09 tháng 01 năm 2022

Người lập

(Ký tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên)

Giám đốc

(Ký tên)

Khi nhận được phiếu nhập kho, phiếu xuất kho do các thủ kho từ các bộ phận sản xuất và công trình chuyển đến kế toán vật tư tiến hành ghi vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu như sau:

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU TK 152

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Xi măng P400

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		<u>Tồn kho đầu kỳ</u>							<u>0</u>	<u>0</u>
033	05/01	Mua xi măng nhập kho	331	1.500	150.000	225.000.000			150.000	225.000.000
026	09/01	Xuất xi măng cho tổ ly tâm	6213	1.500			80.000	120.000.000	70.000	105.000.000
055	15/01	Mua xi măng nhập kho	331	1.500	150.000	225.000.000			220.000	330.000.000
056	16/01	Xuất xi măng cho tổ ly tâm	6213	1.500			100.000	150.000.000	120.000	180.000.000
082	29/01	Xuất xi măng cho xây lắp	6211	1.500			120.000	180.000.000	0	0
		Cộng số phát sinh			300.000	450.000.000	300.000	450.000.000		
		<u>Tồn kho cuối kỳ</u>		<u>1.500</u>					<u>0</u>	<u>0</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU TK 152

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Sắt ø 12

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		<u>Tồn kho đầu kỳ</u>		<u>15.500</u>					<u>9.000</u>	<u>139.500.000</u>
041	09/01	Mua sắt ø 12 nhập kho	331	15.500	2.250	34.875.000			11.250	174.375.000
039	14/01	Xuất sắt ø 12 cho xây lắp	6211	15.500			2.250	34.875.000	9.000	139.500.000
055	15/01	Mua sắt ø 12 nhập kho	331	15.500	2.000	31.000.000			11.000	170.500.000
056	16/01	Xuất sắt ø 12 cho tổ ly tâm	6213	15.500			5.300	82.150.000	5.700	88.350.000
082	29/01	Xuất sắt ø 12 cho xây lắp	6211	15.500			5.000	77.500.000	700	10.850.000
		Cộng số phát sinh			4.250	65.875.000	12.550	194.525.000		
		<u>Tồn kho cuối kỳ</u>		<u>15.500</u>					<u>700</u>	<u>10.850.000</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi rõ họ tên)*

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU TK 152Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép \varnothing 10

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		<u>Tồn kho đầu kỳ</u>		<u>13.800</u>					<u>1.000</u>	<u>13.800.000</u>
041	09/01	Mua thép \varnothing 10 nhập kho	331	13.800	1.500	20.700.000			2.500	34.500.000
039	14/01	Xuất thép \varnothing 10 cho xây lắp	6211	13.800			1.450	20.010.000	1.050	14.490.000
055	15/01	Mua thép \varnothing 10 nhập kho	331	13.800	1.000	13.800.000			2.050	28.290.000
071	20/01	Mua thép \varnothing 10 nhập kho	331	13.800	2.500	34.500.000			4.550	62.790.000
		Cộng số phát sinh			5.000	69.000.000	1.450	20.010.000		
		<u>Tồn kho cuối kỳ</u>		<u>13.800</u>					<u>4.550</u>	<u>62.790.000</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào các Sổ chi tiết NVL và Thẻ kho tiến hành lập Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn NVL:

CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP MINH KHÔI

Địa chỉ: 164 Nguyễn Hoàng – Quy Nhơn

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN

Tài khoản: 152

Tại kho: nguyên vật liệu

ĐVT: Đồng

Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
	Xi măng P400	kg	0	0	300.000	450.000.000	300.000	450.000.000	0	0
	Đá 1x2	m ³	0	0	1.500	368.175.000	1.500	368.175.000	0	0
	Đá 2x4	m ³	28	6.363.560	500	113.635.000	145	32.954.150	383	87.044.410
	Sắt ø 12	kg	9.000	139.500.000	4.250	65.875.000	12.550	194.525.000	700	10.850.000
	Nhớt bôi trơn	lít	1.500	52.500.000	500	17.500.000	1.290	45.150.000	710	24.850.000
	Thép ø 10	kg	1000	13.800.000	5.000	69.000.000	1.450	20.010.000	4.550	62.790.000
	Đinh 2	kg	950	21.375.000	1.688	37.980.000	2.096	47.160.000	542	12.195.000
	Đinh 5	kg	120	3.000.000	400	10.000.000	475	11.875.000	45	1.125.000

	Cộng			447.156.730		1.638.451.950		1.582.141.700		503.466.980

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Dựa vào bảng tổng hợp phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, kế toán lập các chứng từ ghi sổ sau:

Công ty TNHH TH Minh Khôi

Địa chỉ: 164 Nguyễn Hoàng - Quy Nhơn

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 01

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
SH	NT		Nợ	Có		
PNK033	05/01	Nhập kho xi măng P400	152	331	225.000.000	
PNK038	06/01	Nhập kho đá 1x2	152	331	245.450.000	
		Nhập kho đá 2x4	152	331	56.817.500	
PNK041	09/01	Nhập kho sắt ø 12	152	331	34.875.000	
		Nhập kho thép ø 10	152	331	20.700.000	
PNK055	15/01	Nhập kho xi măng P400	152	331	225.000.000	
		Nhập kho sắt ø 12	152	331	31.000.000	
		Nhập kho thép ø 10	152	331	13.800.000	
PNK057	16/01	Nhập kho nhớt bôi trơn	152	331	1.858.500	
		Nhập kho dầu nhờn	152	331	9.690.000	
		Nhập kho đinh 2	152	331	37.980.000	
		Nhập kho đinh 5	152	331	10.000.000	
...	
		Tổng cộng			1.638.451.950	

Kèm theo bộ chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

(Ký tên)

(Ký tên)

Công ty TNHH TH Minh Khôi

Địa chỉ: 164 Nguyễn Hoàng - Quy Nhơn

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
SH	NT		Nợ	Có		
PXK026	09/01	Xuất xi măng P400 cho XL	6211	152	120.000.000	
		Xuất đá 1x2 cho xây lắp	6211	152	191.451.000	
		Xuất đá 2x4 cho xây lắp	6211	152	20.454.300	
PXK039	14/01	Xuất sắt ø 12 cho xây lắp	6211	152	34.875.000	
		Xuất thép ø 10 cho xây lắp	6211	152	20.010.000	
PXK056	16/01	Xuất xi măng P400 cho LT	6213	152	150.000.000	
		Xuất đá 2x4 cho tổ ly tâm	6213	152	9.772.610	
		Xuất đá 1x2 cho tổ ly tâm	6213	152	176.724.000	
		Xuất sắt ø 12 cho tổ ly tâm	6213	152	82.150.000	
		Xuất dầu nhờn cho tổ LT	627	152	6.800.000	
		Xuất nhớt bôi trơn cho LT	627	152	6.000.000	
PXK063	18/01	Xuất đinh 2 cho xây lắp	6211	152	1.700.000	
		Xuất đinh 5 cho xây lắp	6211	152	1.900.000	
PXK068	20/01	Xuất dầu diesel cho tổ LT	627	152	5.039.250	
		Xuất dầu nhờn cho tổ LT	627	152	2.103.860	
		Xuất nhớt bôi trơn cho LT	627	152	6.750.000	
		Xuất kẽm cho tổ ly tâm	6213	152	3.906.400	
...	
		Tổng cộng			1.582.141.700	

Kèm theo bộ chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập

(Ký tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên)

- Từ các chứng từ trên, kế toán lập Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ:

Đơn vị: **Công ty TNHH TH Minh Khôi**

Đ/c : 164 Nguyễn Hoàng

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
001	31/01/2022	1.638.451.950
002	31/01/2022	1.582.141.700
...
Cộng số phát sinh		...
Cộng lũy kế từ đầu quý		...

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người ghi sổ*(Ký tên)***Kế toán trưởng***(Ký tên)***Giám đốc***(Ký tên)*

- Sau đó, kế toán tiến hành lên Sổ Cái TK 152 dựa trên các chứng từ ghi sổ đã lập.

Công ty TNHH TH Minh Khôi

Địa chỉ: 164 Nguyễn Hoàng - Quy Nhơn

SỔ CÁI

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Tên TK: Nguyên vật liệu

Số hiệu TK: 152

NTGS	CTGS		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<u>Số dư đầu tháng</u>		447.156.730	
31/01	001	31/01	Nhập kho xi măng P400	331	225.000.000	
			Nhập kho đá 1x2	331	245.450.000	
			Nhập kho đá 2x4	331	56.817.500	
			Nhập kho sắt ø 12	331	34.875.000	
			Nhập kho thép ø 10	331	20.700.000	
31/01	002	31/01	Xuất xi măng P400 cho XL	6211		120.000.000
			Xuất đá 1x2 cho xây lắp	6211		191.451.000
			Xuất đá 2x4 cho xây lắp	6211		20.454.300
			Xuất sắt ø 12 cho xây lắp	6211		34.875.000
			Xuất thép ø 10 cho xây lắp	6211		20.010.000
...
			Cộng số phát sinh cuối tháng		1.638.451.950	1.582.141.700
			<u>Số dư cuối tháng</u>		503.466.980	

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập
(Ký tên)

Kế toán trưởng
(Ký tên)

Giám đốc
(Ký tên)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP MINH KHÔI

3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi

3.1.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty

Trong thời gian hoạt động, công ty đã tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung nên đã đảm bảo được sự thống nhất, ổn định của hoạt động kế toán. Với mô hình tổ chức bộ máy kế toán như vậy là phù hợp với quy mô và yêu cầu thông tin của công ty. Quan hệ ghi chép, kiểm tra, đối chiếu nhanh giúp cho việc hạch toán chính xác, kịp thời trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin cho lãnh đạo một cách nhanh chóng.

- Về lực lượng lao động kế toán: hiện nay, công ty đã thu hút được một lượng lao động làm việc có chất lượng, có hiệu quả. Do vậy, đội ngũ nhân viên phòng kế toán có trình độ chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Về phương pháp và hình thức ghi sổ kế toán:

+ Công ty đang áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Việc sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ trong công tác kế toán có ứng dụng máy vi tính phù hợp xu thế hiện nay khi chế độ kế toán có nhiều đổi mới đã giúp giảm khối lượng ghi chép và giúp cho việc tìm kiếm thông tin được nhanh chóng.

+ Phòng kế toán đã tổ chức hệ thống thông tin với các tổ, đội sản xuất, công trình và mở các loại sổ sách kế toán được ghi chép đầy đủ và trình bày rõ ràng giúp cho việc kiểm tra, đối chiếu được dễ dàng mọi sự biến động của tài sản, nguồn vốn nói chung cũng như nguyên vật liệu nói riêng, giúp cho các nhà quản lý đưa ra các quyết định quan trọng.

- Về chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ: các chứng từ được lập và sử dụng theo đúng quy định của công ty cũng như quy định của chế độ kế toán đã giảm đáng kể chi phí, góp phần theo dõi và phản ánh các nghiệp vụ phát sinh được rõ ràng, đầy đủ trên các chứng từ và sổ sách theo hình thức ghi sổ phù hợp. Nhờ vậy, việc phân loại và tổng hợp các thông tin kinh tế để ghi sổ tổng hợp có nhiều thuận lợi, các chứng từ được sắp xếp và phân loại, bảo quản chặt chẽ.

Như vậy, bộ máy kế toán của công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của nhà quản lý, chính điều này đã làm cho việc phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty được thực hiện thường xuyên, liên tục, đảm bảo độ chính xác cao.

3.1.2. Nhận xét về kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Nhìn lại chặng đường hình thành và phát triển trong những năm qua, có thể thấy Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi đã nỗ lực vươn lên. Để có được thành quả như ngày hôm nay, không thể không kể đến sự quan tâm, chỉ đạo của Ban giám đốc và sự cố gắng của toàn thể cán bộ, công nhân viên trong công ty, trong đó có bộ phận kế toán. Ban lãnh đạo công ty đã nhận ra những mặt yếu kém không phù hợp với thực tế tại công ty nên đã có nhiều biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Các bộ phận trong đó Phòng kế toán có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc theo dõi, kiểm tra tình hình kinh doanh của công ty.

Công ty luôn nhạy bén với sự thay đổi và cạnh tranh trên thị trường. Công ty luôn quan tâm tới việc nâng cao chất lượng sản phẩm, công tác quản lý nói chung và công tác quản lý nguyên vật liệu nói riêng. Nguyên vật liệu chính là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng sản phẩm đầu ra.

Mỗi công ty có kế hoạch bảo quản và sử dụng các loại nguyên vật liệu khác nhau tùy theo đặc điểm nguyên vật liệu mà công ty thực hiện công tác tính giá nguyên vật liệu theo từng nghiệp vụ nhằm đảm bảo tính hợp lý và chính xác. Ngoài ra, do số lượng sản phẩm kinh doanh rất đa dạng, phong phú, khối lượng công việc hạch toán lớn nên số lượng lao động kế toán được phân công theo các phần hành kế toán, tạo điều kiện cho kế toán viên chuyên môn hóa trong công việc, tích lũy kinh nghiệm, giải quyết các công việc thuộc phần hành của mình một cách nhanh chóng. Hơn nữa, giữa các kế toán viên luôn có quan hệ tác nghiệp trong công việc nên cung cấp, trao đổi thông tin giữa các phần hành rất nhanh chóng, tạo điều kiện cung cấp số liệu, các báo cáo cho Ban lãnh đạo công ty khi cần thiết. Nguyên vật liệu được kế toán trực tiếp theo dõi những biến động, tính toán về tình hình nhập xuất tồn kho về giá trị và số lượng, đồng thời hạch toán ghi sổ chi tiết và tổng hợp một cách kịp thời, tính và phân bổ chi phí nguyên vật liệu vào chi phí sản xuất. Do đó, để bộ máy kế toán hoạt động có hiệu quả thì kế toán nguyên vật liệu cần phát huy mặt ưu điểm cũng như khắc phục và giảm thiểu các hạn chế, thiếu sót.

3.1.2.1. Ưu điểm.

Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi trong thời gian qua đã có những biện pháp đổi mới công tác kế toán đặc biệt là kế toán nguyên vật liệu tại đơn vị. Nhờ vậy mà công ty ngày càng có nhận được sự ủng hộ của khách hàng, đạt được nhiều thành tựu, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của công ty trong thời kỳ mới.

- Về tổ chức cung ứng nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu nhập kho và xuất kho, tham gia vào quá trình sản xuất đều được thông báo cho các bộ phận có nhiệm vụ theo dõi, kiểm kê để tránh tình trạng hao hụt, mất mát không rõ nguyên nhân. Do yêu cầu quản lý của đơn vị cho nên vật liệu sử dụng

vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ nhiều nguồn khác nhau đòi hỏi phải được cung ứng kịp thời, đầy đủ, nếu không thì việc sản xuất sẽ bị gián đoạn, ngưng trệ không hoàn thành kế hoạch của công ty. Trong kỳ, các bộ phận có nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu thì tổ chức mua và cung ứng kịp thời, đầy đủ, đúng chủng loại, quy cách.

Như vậy, đối với công tác quản lý nguyên vật liệu, công ty đã xây dựng, cải tiến một số kho bãi để chứa nguyên vật liệu, đồng thời bố trí nhân viên tại các kho này để dễ quản lý các hoạt động nhập, xuất. Nguyên vật liệu được bảo quản khoa học và hợp lý tạo điều kiện cho công ty thực hiện tốt công tác kế toán, hoàn thành yêu cầu do nhà quản lý đặt ra.

- Về hệ thống chứng từ sử dụng: các chứng từ nhập xuất kho nguyên vật liệu đã được công ty sử dụng mẫu quy định theo chế độ chứng từ kế toán hiện hành và đúng theo từng mục đích. Sau khi luân chuyển sang các bộ phận, các chứng từ này được bảo quản cẩn thận.

- Về hệ thống tài khoản: hệ thống tài khoản được áp dụng đúng theo quy định của chế độ kế toán, đồng thời công ty còn bổ sung thêm một số tài khoản cấp 2 ở tài khoản chi phí để phù hợp với hoạt động sản xuất.

- Về thủ tục chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu: Các thủ tục ban đầu về nhập, xuất kho được công ty thực hiện đầy đủ như nguyên vật liệu nhập kho cần có ban kiểm nghiệm kiểm tra, nếu nguyên vật liệu xuất kho cần có sự xét duyệt của nhà quản lý. Kế toán vật tư căn cứ vào chứng từ gốc để lập phiếu nhập hoặc xuất chứ không giao cho phòng kế hoạch nghiệp vụ. Bộ phận kế toán đã hạch toán đầy đủ các nghiệp vụ tại công trình xây lắp cũng như các phân xưởng sản xuất. Chính những yêu cầu này mà người quản lý nguyên vật liệu và người có nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu nắm bắt được thông tin tại phòng kế toán và tại kho mà không cần phải tốn nhiều thời gian đi kiểm tra từng loại.

Do thực hiện đúng các quy định về lập và xử lý chứng từ nên công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty luôn được xuyên suốt từ khi nhập đến khi xuất, đảm bảo thông tin kế toán được cung cấp đến các phòng ban một cách nhanh chóng và chính xác nhất.

- Về sổ sách kế toán theo dõi nguyên vật liệu:

Để quản lý lượng nguyên vật liệu sử dụng có số lượng lớn, rất nhiều loại khác nhau nên kế toán đã mở sổ sách kế toán theo dõi kịp thời, đầy đủ từng loại, thiết bị lắp đặt đồng thời phản ánh ghi chép kịp thời đầy đủ về tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu cả về số lượng lẫn giá trị, cuối quý, cuối kỳ hạch toán đã đối chiếu kiểm tra với thủ kho và lập báo cáo tổng hợp nguyên vật liệu đầy đủ, tạo điều kiện cho kế toán trưởng lập báo cáo tài chính kịp thời.

Việc hạch toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song, sử dụng các sổ (thẻ) kho đã giúp kế toán tiết kiệm thời gian. Các sổ tổng hợp của công ty được trình bày rõ ràng, dễ ghi chép cũng giúp cho kế toán các phần hành khác dễ đối chiếu khi có sai sót.

Nhìn chung việc tổ chức quản lý và hạch toán nguyên vật liệu tại công ty đã được tiến hành thường xuyên và đầy đủ thủ tục theo yêu cầu. Ngoài ra, công ty luôn đề ra kế hoạch, mục tiêu nhằm hoàn thiện bộ máy kế toán, đảm bảo phù hợp với sự thay đổi của chế độ kế toán hiện nay và phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế.

3.1.2.2. Hạn chế

Do quy mô hoạt động rộng, nhiều đơn hàng vô cùng một thời điểm, bộ máy kế toán của đơn vị còn ít, lượng nguyên vật liệu tại đơn vị quá nhiều thứ, loại khác nhau cho nên trong công tác quản lý và tổ chức hạch toán nguyên vật liệu cũng còn nhiều tồn tại như sau:

- Về công tác quản lý nguyên vật liệu:

Hạn chế 1: Việc phân loại nguyên vật liệu để tổ chức theo dõi hạch toán chưa được chuẩn xác và tỉ mỉ các loại nguyên vật liệu, thiết bị phục vụ cho việc sản xuất. Tất cả vật liệu nhập từ nhiều nguồn khác nhau đều được công ty cất giữ trong một kho nên khó bảo quản và phân loại.

Hạn chế 2: Hiện nay, công ty sử dụng lượng nguyên vật liệu lớn, phong phú về chủng loại nhưng chưa xây dựng được sổ danh điểm nguyên vật liệu, việc theo dõi và hạch toán chủ yếu bằng thủ công rất khó theo dõi và quản lý.

- Về chứng từ và luân chuyển chứng từ: do số lượng chứng từ phát sinh trong kỳ nhiều nên việc chuyển chứng từ đến phòng kế toán còn chậm trễ.

Hạn chế 3: Về tài khoản và phương pháp kế toán:

+ Kế toán nguyên vật liệu đang sử dụng hệ thống tài khoản chi tiết tới cấp 2, điều này khó cho việc quản lý và tìm kiếm chi tiết từng loại nguyên vật liệu do kho có nhiều loại vật tư dễ nhầm lẫn, khó xác định.

+ Để thủ kho cùng theo dõi số lượng từng thứ loại nguyên vật liệu trên sổ chi tiết vật tư của kế toán là chưa phù hợp với quy định trong công tác hạch toán nguyên vật liệu ở kho và tại phòng kế toán.

3.2. Một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty kết hợp với những kiến thức đã được học tại trường cùng với sự hướng dẫn của cán bộ phòng kế toán của công ty, em xin đề xuất một số giải pháp nhằm giúp cho hoạt động kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi ngày càng hoàn thiện và phát triển hơn nữa.

Phòng kế toán nên có hai kế toán nguyên vật liệu vì em thấy nguyên vật liệu của công ty khá là nhiều và các đơn hàng thì vô liên tục nhất là khi nhu cầu xây nhà, công trình tăng cao. Đến thời điểm hiện tại có thể nói nhu cầu mua hàng càng ngày càng tăng cao nhưng hầu như chỉ có tập trung vào một kế toán để làm dẫn đến tình trạng dễ bị căng thẳng, thiếu kiểm soát có thể dẫn đến sai sót trong quá trình làm việc.

Vì là công ty xây dựng nên phế liệu có thể thu hồi để thanh lý được. Khi phế liệu được thu hồi, hiện công ty chỉ cho nhập kho nhưng không tiến hành ghi sổ để theo dõi. Khi thanh lý nguyên vật liệu được ghi vào tài khoản thu nhập khác. Như vậy, nó sẽ làm tăng chi phí sản xuất do toàn bộ nguyên vật liệu xuất ra được tính hết vào chi phí sản xuất. Theo em công ty nên theo dõi phế liệu thu hồi nhập kho để nắm rõ hơn tình hình sản xuất của công ty về số lượng nguyên vật liệu sử dụng cho sản phẩm, số lượng phế liệu thu hồi nhiều hay ít. Từ đó công tác quản lý nguyên vật liệu của công ty sẽ được chặt chẽ hơn, tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.

Công ty đã không xây dựng được cụ thể, chi tiết định mức tồn kho nguyên vật liệu cho từng loại sản phẩm vì vậy có thể gây lãng phí do dự trữ vật tư trên mức cần thiết, hay dự trữ ít quá không đáp ứng nhu cầu sản xuất của công ty trong mùa cao điểm. Vấn đề tồn tại này cần công ty phải dự đoán trước phần nào lượng nguyên vật liệu xuất ra để nhập mua số lượng nguyên vật liệu hợp lý nhất. Những giải pháp này đòi hỏi trình độ và khả năng phán đoán thị trường của người lãnh đạo phải cao, nhạy bén với thị trường và cần nhận biết nhu cầu của thị trường.

Sau đây em xin đưa ra một số giải pháp:

✦ **Giải pháp 1: Xây dựng hệ thống tài khoản chi tiết cho các tài khoản nguyên vật liệu.**

Hiện tại, công ty chỉ mới mở tài khoản cấp 2 cho các tài khoản chi phí nên mở thêm các tài khoản chi tiết đối với các tài khoản nguyên vật liệu để dễ theo dõi và hạch toán được chính xác.

*** Lý do thực hiện:**

Tùy theo yêu cầu sản xuất cũng như yêu cầu quản lý mà doanh nghiệp có thể phân loại mỗi nhóm, thứ nguyên vật liệu khác nhau nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Do công ty hiện nay vẫn chưa thiết kế tài khoản chi tiết cho các tài khoản nguyên vật liệu nên để tránh giảm bớt việc kiểm tra tại phòng kế toán cũng như tại các kho, công ty cần xây dựng một hệ thống tài khoản chi tiết cho nguyên vật liệu.

*** Cách thực hiện:**

- Các ngành hoặc doanh nghiệp dựa vào đặc điểm và yêu cầu quản lý của mình mà có thể mở thêm tài khoản chi tiết cấp 2, cấp 3 cho phù hợp. Số hiệu tài khoản.

quy định trong hệ thống tài khoản kế toán thống nhất là hệ thống 3 số đối với tài khoản cấp 1, 4 số đối với tài khoản cấp 2, 5 số đối với tài khoản cấp 3.

- + Chữ số đầu tiên thể hiện loại tài khoản.
- + Chữ số thứ 2 thể hiện nhóm tài khoản.
- + Chữ số thứ 3 dùng để chỉ thứ tự của từng tài khoản kế toán cấp 1
- + Chữ số thứ 4 dùng để chỉ các tài khoản kế toán cấp 2 (chi tiết hóa cho tài khoản cấp 1).
- + Chữ số thứ 5 dùng để chỉ các tài khoản kế toán cấp 3 (chi tiết hóa cho tài khoản cấp 2).

- Việc xây dựng các tài khoản chi tiết này phải đảm bảo thống nhất, linh hoạt, không bị trùng lặp, phù hợp với công ty và tuân thủ các quy định của chế độ kế toán hiện nay.

- Dựa theo số lượng và chủng loại của nguyên vật liệu tại công ty, ta có thể phân chia tài khoản 152 thành các tiểu khoản sau:

- + 1521: Nguyên vật liệu chính
- + 1522: Vật liệu phụ
- + 1523: Nhiên liệu
- + 1524: Phụ tùng thay thế
- + 1525: Nguyên vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản
- + 1526: Phế liệu
- + 1527: Nguyên vật liệu đã chuyển gia công
- + 1528: Vật liệu khác

Việc mở thêm các tài khoản chi tiết đối với tài khoản 152 sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý nguyên vật liệu một cách khoa học. Ngoài ra, sau khi hạch toán nguyên vật liệu theo các tiểu khoản, giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ theo từng nhóm nguyên vật liệu. Như vậy, việc xác định chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm sẽ được cụ thể hóa theo từng nhóm nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng, từ đó tạo điều kiện kiểm soát chi phí nguyên vật liệu hay so sánh chi tiết chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm trong các kỳ.

Cụ thể đối với Chứng từ ghi sổ số 1 và 2 được ghi chép như sau:

Công ty TNHH Tổng Hợp Minh Khôi

CHỨNG TỪ GHI SỔ**Số: 01**

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
SH	NT		Nợ	Có		
PNK033	05/01	Nhập kho xi măng P400	1521	331	225.000.000	
PNK038	06/01	Nhập kho đá 1x2	1521	331	245.450.000	
		Nhập kho đá 2x4	1521	331	56.817.500	
PNK041	09/01	Nhập kho sắt ø 12	1521	331	34.875.000	
		Nhập kho thép ø 10	1521	331	20.700.000	
PNK055	15/01	Nhập kho xi măng P400	1521	331	225.000.000	
		Nhập kho sắt ø 12	1521	331	31.000.000	
		Nhập kho thép ø 10	1521	331	13.800.000	
PNK057	16/01	Nhập kho nhớt bôi trơn	1523	331	1.858.500	
		Nhập kho dầu nhờn	1523	331	9.690.000	
		Nhập kho đinh 2	1522	331	37.980.000	
		Nhập kho đinh 5	1522	331	10.000.000	
...	
		Tổng cộng			1.638.451.950	

Kèm theo bộ chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập**Kế toán trưởng***(Ký tên)**(Ký tên)*

Công ty TNHH Tổng Hợp Minh Khôi

CHỨNG TỪ GHI SỔ**Số: 02**

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
SH	NT		Nợ	Có		
PXK026	09/01	Xuất xi măng P400 cho XL	6211	1521	120.000.000	
		Xuất đá 1x2 cho xây lắp	6211	1521	191.451.000	
		Xuất đá 2x4 cho xây lắp	6211	1521	20.454.300	
PXK039	14/01	Xuất sắt ø 12 cho xây lắp	6211	1521	34.875.000	
		Xuất thép ø 10 cho xây lắp	6211	1521	20.010.000	
PXK056	16/01	Xuất xi măng P400 cho LT	6213	1521	150.000.000	
		Xuất đá 2x4 cho tổ ly tâm	6213	1521	9.772.610	
		Xuất đá 1x2 cho tổ ly tâm	6213	1521	176.724.000	
		Xuất sắt ø 12 cho tổ ly tâm	6213	1521	82.150.000	
		Xuất dầu nhờn cho tổ LT	627	1523	6.800.000	
		Xuất nhớt bôi trơn cho LT	627	1523	6.000.000	
PXK063	18/01	Xuất đinh 2 cho xây lắp	6211	1522	1.700.000	
		Xuất đinh 5 cho xây lắp	6211	1522	1.900.000	
PXK068	20/01	Xuất dầu diesel cho tổ LT	627	1523	5.039.250	
		Xuất dầu nhờn cho tổ LT	627	1523	2.103.860	
		Xuất nhớt bôi trơn cho LT	627	1523	6.750.000	
		Xuất kẽm cho tổ ly tâm	6213	1522	3.906.400	
...	
		Tổng cộng			1.582.141.700	

Kèm theo bộ chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập
(Ký tên)

Kế toán trưởng
(Ký tên)

✦ Giải pháp 2: Xây dựng sổ danh điểm nguyên vật liệu

* Lý do thực hiện:

Hiện nay, công ty có nhiều chủng loại nguyên vật liệu làm cho việc hạch toán, kiểm tra, đối chiếu gặp khó khăn nên công ty cần xây dựng Sổ danh điểm nguyên vật liệu. Điều này giúp công ty hạch toán chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cơ giới hóa, tính toán nhanh chóng, góp phần cung cấp kịp thời thông tin phục vụ cho quản lý và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh.

* Cách thực hiện:

- Lập danh điểm nguyên vật liệu là quy định cho mỗi thứ nguyên vật liệu một ký hiệu riêng (mã số) bằng hệ thống các chữ số (có thể kết hợp các chữ cái) để thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Danh điểm nguyên vật liệu phải được sử dụng thống nhất giữa các bộ phận quản lý liên quan trong doanh nghiệp nhằm thống nhất quản lý đối với từng thứ nguyên vật liệu.

- Trong sổ danh điểm nguyên vật liệu, tên các nguyên vật liệu sẽ được mã hóa bằng các danh điểm và được sắp xếp theo thứ tự. Việc lập sổ danh điểm nguyên vật liệu phải chính xác, phù hợp không trùng lặp dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào nguyên vật liệu
- Dựa vào số nhóm nguyên vật liệu trong mỗi loại
- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu trong mỗi nhóm.

Trước hết bộ mã nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số hiệu các tài khoản cấp 2 đối với nguyên vật liệu:

+ Nguyên vật liệu chính	: 1521
+ Vật liệu phụ	: 1522
+ Nhiên liệu	: 1523
+ Phụ tùng thay thế	: 1524
+ Nguyên vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản	: 1525
+ Phế liệu	: 1526

Trong mỗi loại nguyên vật liệu ta phân thành các nhóm và lập mã đối tượng cho từng nhóm. Các chữ số dùng để chỉ nhóm nguyên vật liệu là chữ số liên tục.

- + Trường hợp dưới 10 nhóm thì dùng chữ số từ 01 đến 09
- + Trường hợp dưới 100 nhóm thì dùng chữ số từ 001 đến 099

Các chữ số dùng để chỉ thứ nguyên vật liệu là số thứ tự liên tục sắp xếp theo quy cách, cỡ loại của nguyên vật liệu trong nhóm. Khi lập sổ danh điểm nguyên vật liệu sau mỗi loại, mỗi nhóm nguyên vật liệu phải để dự trữ một số số hiệu để sử dụng cho các thứ hoặc loại nguyên vật liệu mới xuất hiện sau này.

Trong các loại nguyên vật liệu chính ta phân thành các nhóm và đặt mã như sau:

Nhóm xi măng: 1521.01

Nhóm cát: 1521.02

Nhóm thép: 1521.03

...

Trong đó:

1521: Thể hiện loại nguyên vật liệu thuộc nhóm nguyên vật liệu chính

1521.01: Nguyên vật liệu thuộc nhóm xi măng

1521.01.01: Nguyên vật liệu là xi măng P400

- Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi có thể xây dựng mẫu sổ danh điểm nguyên vật liệu như sau:

SỔ DANH ĐIỂM NGUYÊN VẬT LIỆU

Ký hiệu		Tên nhãn hiệu, quy cách nguyên vật liệu	Đơn vị	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm			
1521		Nguyên vật liệu chính		
	1521.01	Xi măng	Kg	
	1521.01.01	Xi măng P400	Kg	
	
	1521.03	Thép	Kg	
	1521.03.01	Thép ø 10	Kg	
	
	1521.04	Sắt	Kg	
	1521.04.01	Sắt ø 12	Kg	
	
	1521.05	Đá	Kg	
	1521.05.01	Đá 1x2	Kg	
	1521.05.02	Đá 2x4	Kg	
	
1522		Nguyên vật liệu phụ		
	1522.01	Đinh	Kg	
	1522.01.01	Đinh 2	Kg	
	1522.01.02	Đinh 5	Kg	
	
1523		Nhiên liệu		
	1523.01	Xăng	Lít	
	1523.02	Dầu diesel	Lít	
	1523.03	Nhớt bôi trơn	Lít	
	1523.04	Dầu nhờn	Lít	
1524		Phụ tùng thay thế		
...		

- Mẫu bảng tổng hợp xuất theo hợp đồng tại Công ty:

Công ty TNHH Tổng Hợp Minh Khôi**BẢNG TỔNG HỢP XUẤT THEO HỢP ĐỒNG**

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Tại kho: Công ty TNHH Tổng Hợp Minh Khôi

Mã CT: Chi phí xây lắp CT Đăng Khoa

Trang: 1

Danh điểm	Tên VT	ĐVT	SL	ĐG	Số tiền	TK Nợ	TK Có
1521.01.01	Xi măng P400	Kg	450.000	1.500	675.000.000	6211	1521
1521.01.02	Cát	M ³	50.000	58.300	2.915.000.000	6211	1521
1521.01.06	Gạch nung	Viên	200.000	1.680	336.000.000	6211	1521
1522.01.01	Đinh 2	Kg	1.550	22.500	34.875.000	6211	1522
1522.01.02	Đinh 5	Kg	960	25.000	24.000.000	6211	1522
1521.05.01	Đá 1x2	M ³	26.000	245.450	6.381.700.000	6211	1521
1521.05.02	Đá 2x4	M ³	20.000	227.270	4.545.400.000	6211	1521
1523.01	Xăng	Lít	620	15.900	9.858.000	627	1523
1523.02	Dầu diezel	Lít	465	12.500	5.812.500	627	1523
1523.04	Dầu nhờn	Lít	140	18.000	2.520.000	627	1523
1521.04.01	Sắt ø 12	Kg	22.790	15.500	353.245.000	6211	1521
1521.03.01	Thép ø 10	Kg	9.150	13.800	131.100.000	6211	1521
1522.03	Sơn màu	Lít	290	149.500	37.375.000	6211	1521
1522.04	Dây đồng	Kg	1.268	350.000	44.380.000	6211	1522
1522.05	Keo dán	Lít	50	180.000	9.000.000	6211	1522
...

✦ Giải pháp 3: Kế toán chi tiết theo phương pháp sổ số dư*** Lý do thực hiện**

Công ty đang áp dụng phương pháp thẻ song song có nhiều thuận lợi như đơn giản, dễ ghi chép nhưng còn nhiều trùng lặp và phù hợp với doanh nghiệp ít chủng loại nguyên vật liệu nên doanh nghiệp có thể áp dụng phương pháp sổ số dư để thuận tiện cho việc kiểm tra giữa thủ kho và kế toán vật tư.

*** Cách thực hiện**

- Tại kho, thủ kho ghi chép vào thẻ kho và phân loại các chứng từ nhập xuất theo quy định.

- Kế toán xuống kho kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập, xuất kho. Sau đó, ký xác nhận vào thẻ kho và phiếu giao nhận chứng từ.

- Mẫu phiếu giao nhận chứng từ nhập nguyên vật liệu:

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP NGUYÊN VẬT LIỆU

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 01

ĐVT: đồng

Nhóm vật tư	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
1	2	3	4
Xi măng P400	3	- HĐ GTGT 182 - BBKN số 002 - PNK 033	225.000.000
Đá 1x2	3	- HĐ GTGT số 190 - BBKN số 004 - PNK 038	245.450.000
Đá 2x4	3	- HĐ GTGT số 190 - BBKN số 004 - PNK 038	56.817.500
Sắt ø 12	3	- HĐ GTGT số 197 - BBKN số 005 - PNK 041	34.875.000
Thép ø 10	3	- HĐ GTGT số 197 - BBKN số 005 - PNK 041	20.700.000
...

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 01 năm 2022

Người nhận

(Ký, họ tên)

Người giao

(Ký, họ tên)

- Mẫu phiếu giao nhận chứng từ xuất NVL:

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 01 năm 2022

ĐVT: đồng

Nhóm vật tư	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
1	2	3	4
Xi măng P400	2	- GĐNXVT - P XK 026	120.000.000
Đá 1x2	2	- GĐNXVT - P XK 026	191.451.000
Đá 2x4	2	- GĐNXVT - P XK 026	20.454.300
Sắt ø 12	2	- GĐNXVT - P XK 039	34.875.000
Thép ø 10	2	- GĐNXVT - P XK 039	20.010.000
...

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 01 năm 2022

Người nhận

Người giao

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

- Tại phòng kế toán, sau khi nhận chứng từ, kế toán kiểm tra lại và hoàn chỉnh tổng hợp chứng từ theo từng nhóm NVL để ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, số liệu này được ghi vào bảng lũy kế nhập xuất tồn NVL.

- Cuối tháng, thủ kho căn cứ vào thẻ kho đã được kiểm tra, ghi số lượng NVL tồn kho cuối tháng vào từng loại vào sổ số dư.

SỔ SỐ DƯ

Tại kho: Vật tư
Tháng 1 năm 2022

Danh điểm	Tên chủng loại, quy cách NVL	ĐVT	Đơn giá	Định mức dự trữ		Số dư đầu năm		Số dư cuối tháng 1		...
				Min	Max	SL	TT	SL	TT	...
1521.01.01	Xi măng P400	kg	1.500	0	500.000	0	0	0	0	...
1521.03.01	Thép ø 10	kg	13.800	0	500.000	1.000	13.800.000	4.550	62.790.000	...
1521.04.01	Sắt ø 12	kg	15.500	0	500.000	9.000	139.500.000	700	10.850.000	...
1521.05.01	Đá 1x2	m ³	245.450	0	500.000	0	0	0	0	...
1521.05.02	Đá 2x4	m ³	227.279	0	500.000	28	6.363.560	383	87.044.410	...
1522.01.01	Đinh 2	kg	22.500	0	500.000	950	21.375.000	542	12.195.000	...
1522.01.02	Đinh 5	kg	25.000	0	500.000	120	3.000.000	45	1.125.000	...
1523.03	Nhớt bôi trơn	lít	45.000.000	0	500.000	1.500	67.500.000	710	31.950.000	...
...
	Cộng						447.156.730		503.466.980	

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

BẢNG LŨY KẾ NHẬP XUẤT TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 01 năm 2022

ĐVT: đồng

Nhóm vật tư	Tồn kho đầu tháng	Nhập		Cộng nhập	Xuất		Cộng xuất	Tồn kho cuối tháng
		Từ ngày 01/01 đến 15/01	Từ ngày 16/01 đến 31/01		Từ ngày 01/01 đến 15/01	Từ ngày 16/01 đến 31/01		
Xi măng P400	0	450.000.000	0	450.000.000	120.000.000	330.000.000	450.000.000	0
Đá 1x2	0	245.450.000	122.725.000	368.175.000	191.451.000	176.724.000	368.175.000	0
Đá 2x4	6.363.560	56.817.500	56.817.500	113.635.000	20.454.300	12.499.850	32.954.150	87.044.410
Sắt ø 12	139.500.000	65.875.000	0	65.875.000	34.875.000	159.650.000	194.525.000	10.850.000
Nhót bôi tron	67.500.000	0	22.500.000	22.500.000	0	58.050.000	58.050.000	24.850.000
Thép ø 10	13.800.000	34.500.000	34.500.000	69.000.000	20.010.000	0	20.010.000	62.790.000
Đinh 2	21.375.000	0	37.980.000	37.980.000	0	47.160.000	47.160.000	12.195.000
Đinh 5	3.000.000	0	10.000.000	10.000.000	0	11.875.000	11.875.000	1.125.000
...
Tổng cộng	447.156.730	975.084.750	663.367.200	1.638.451.950	841.596.250	740.545.450	1.582.141.700	503.466.980

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Sau khi nhận số số dư do thủ kho chuyển lên, kế toán căn cứ vào cột số dư về số lượng và đơn giá hạch toán nguyên vật liệu để tính ra số tiền và ghi vào cột số dư bằng tiền. Sau đó, kế toán đối chiếu số liệu trên cột số dư bằng tiền của sổ số dư với sổ kế toán tổng hợp.

Như vậy, việc sử dụng phương pháp sổ số dư sẽ góp phần hạn chế được việc ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán kịp thời, chính xác.

★ Bên cạnh 3 giải pháp chính như trên, em còn đưa ra thêm một số giải pháp bổ sung như:

✦ **Giải pháp 1: Xây dựng kế hoạch quản lý, kiểm kê nguyên vật liệu thường xuyên**

- Khâu thu mua: công ty phải tiêu thụ số lượng lớn nguyên vật liệu nên cần chủ động trong công tác cung ứng nguyên vật liệu bằng việc tổ chức thu mua tại các cơ sở sản xuất hoặc đại lý lớn để đảm bảo nguồn cung luôn ổn định, chất lượng đạt yêu cầu và giảm chi phí thu mua nếu được hưởng chính sách chiết khấu. Ngoài ra, công ty cần có kế hoạch cung ứng hợp lý để hạn chế đến mức tối thiểu sự lãng phí nguyên vật liệu, công ty nên tổ chức thu mua nguyên vật liệu theo tiến độ thi công từng công trình. Phòng vật tư cần lựa chọn phương án thu mua tối ưu giữa thị trường nơi thi công và các công trình khác, công ty nên tìm mọi cách để số lượng nguyên vật liệu cung cấp vừa đủ hoặc thừa không đáng kể nhằm tránh tình trạng phải vận chuyển vật tư về kho tốn nhiều chi phí và thời gian kiểm kê.

- Khâu bảo quản: xây dựng và bố trí hệ thống kho tàng, thiết bị kỹ thuật đầy đủ trên cơ sở phân loại theo tính chất cơ, lý, hóa của từng nguyên vật liệu để có biện pháp bảo quản tốt,... Nhìn chung các loại nguyên vật liệu rất dễ hỏng dưới tác động của môi trường, khí hậu,... như sắt thép dễ bị ăn mòn, xi măng để càng lâu càng kém phẩm chất, nhiên liệu dễ mất mát, hao hụt nên khó khăn cho công tác bảo quản. Nguyên vật liệu tại Công ty rất đa dạng về chủng loại, kích cỡ, để đảm bảo cho việc hạch toán kế toán được chính xác thì cần phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học và hợp lý. Các loại nguyên vật liệu khi về đến kho nên được chia theo mục đích sử dụng để xây lắp hay sản xuất tại phân xưởng để tránh tình trạng phải luân chuyển sang nhiều bộ phận dễ thất lạc. Mỗi loại nguyên vật liệu muốn bảo quản tốt phải có phương pháp bảo quản thích hợp từng chỗ, từng nơi, từng thứ vật liệu quý, do vậy phải phân chia ra nhiều loại kho khác nhau như kho thép, kho vật liệu kim khí, kho nhiên liệu, kho máy móc thiết bị,...

Ngoài ra, công ty cần tu sửa lại những kho tàng đã hư hỏng, xuống cấp để đảm bảo nguyên vật liệu được bảo quản thường xuyên, an toàn.

- Khâu dự trữ: tại khâu này, doanh nghiệp cần xác định mức dự trữ tối đa, mức dự trữ tối thiểu và mức dự trữ trung bình cho doanh nghiệp căn cứ vào yêu cầu đặc điểm

sản xuất. Phòng kế hoạch cần lựa chọn các đơn đặt hàng cũng như ước tính số lượng sử dụng nguyên vật liệu trong kỳ, tránh tình trạng nguyên vật liệu bảo quản tại kho lâu ngày gây khó khăn cho kiểm kê, chỉ nên dự trữ những nguyên vật liệu khan hiếm, giá cả biến động mạnh để giảm bớt lượng nguyên vật liệu tồn kho, nhờ đó giúp tăng nhanh số vòng quay tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tránh ứ đọng vốn.

- Khâu xuất nguyên vật liệu: bên cạnh việc đảm bảo xuất đúng, xuất đủ cho các sản phẩm cần xác định được chính xác giá xuất kho thực tế của nguyên vật liệu, phục vụ cho công tác tính giá thành một cách chính xác,... đặc biệt phải tính toán lượng nguyên vật liệu cần sử dụng chính xác, gia công sắt thép không nên lãng phí, tận dụng tối đa lượng thép phế liệu. Căn cứ nhu cầu sử dụng của từng công trình trong tháng do cán bộ kỹ thuật cung cấp, kế toán lên kế hoạch cung ứng và ký hợp đồng với đại lý cung cấp nhằm đảm bảo nguyên vật liệu được cung cấp kịp thời; tránh tình trạng thiếu nguyên vật liệu, nguyên vật liệu tồn kho quá lâu dẫn đến giảm chất lượng, hao hụt, chiếm dụng diện tích kho, ảnh hưởng công tác ghi chép kế toán tại kho.

Đối với việc quản lý nguyên vật liệu không nhập kho để cung cấp kịp thời cho công trình thì kế toán cần đối chiếu với các bộ phận kế toán khác để tránh sự nhầm lẫn và có biện pháp giải quyết kịp thời.

✦ Giải pháp 2: Hoàn thiện việc kiểm soát các chứng từ và quá trình luân chuyển chứng từ đối với các công trình xây dựng

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên quá trình luân chuyển chứng từ vật tư gặp nhiều khó khăn. Để khắc phục tình trạng này, công ty cần quy định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của kế toán vật tư trong việc theo dõi tại kho và tại công trường. Ngoài ra, công ty nên quy định thời gian nộp chứng từ thống nhất và thường xuyên tiến hành rà soát các phiếu xuất và phiếu nhập để tránh mất mát hay nhầm lẫn, các bộ phận khi nhận chứng từ đều có trách nhiệm bảo quản và xác nhận nội dung để làm căn cứ quy định trách nhiệm đối với sai sót xảy ra.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng để quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP MINH KHÔI**SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ***Từ ngày...tới ngày...tháng...năm*

Ngày, tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày, tháng trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận
A	B	C	D	E	F

✦ **Giải pháp 3: Sử dụng kết hợp thông tin của một số báo cáo kế toán có liên quan đến nguyên vật liệu**

Nhìn chung báo cáo kế toán về nguyên vật liệu của công ty được lập theo quy định của Bộ Tài chính và kết cấu của báo cáo cũng phù hợp với yêu cầu của công ty. Ngoài ra, công ty cần xây dựng các báo cáo kế toán quản trị và báo cáo phân tích về chi phí nguyên vật liệu thu mua, dự trữ, sử dụng và so sánh với thực tế để giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định trong việc tìm kiếm nguồn cung nguyên vật liệu và việc sử dụng nguyên vật liệu trong thời gian qua có hiệu quả không. Việc lập kế hoạch thu mua nguyên vật liệu theo báo cáo quản trị cũng giúp công ty chủ động trong việc tìm kiếm nhà cung cấp đồng thời nhận định được sự biến động hay ổn định trong công tác sản xuất kinh doanh.

✦ **Giải pháp 4: Hiện đại hóa công tác kế toán**

Với khối lượng công việc kế toán tại công ty khá lớn nhưng công tác kế toán vẫn được thực hiện thủ công. Mặc dù phòng kế toán đã được trang bị máy tính nhưng mới chỉ áp dụng Microsoft Office (Word, Power Point, Excel...). Vậy nên, công ty xem xét tới việc mua phần mềm kế toán phù hợp với tình hình công ty. Hiện nay trên thị trường có khá nhiều các phần mềm kế toán như: Phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán Fast Accounting, phần mềm kế toán MetaData Accounting, phần mềm kế toán Sas Innova, phần mềm kế toán Việt Nam... Em xin được giới thiệu một phần mềm kế toán phổ biến nhất: phần mềm kế toán MISA, phần mềm kế toán MISA SME.NET 2021, phần mềm kế toán Việt Nam, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và

nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với phần mềm kế toán MISA SME.NET 2021, công ty có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

KẾT LUẬN

Trong thời gian thực tập ở Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi và thời gian học tập rèn luyện về lý thuyết ở trường Đại học Quy Nhơn, bản thân em được sự quan tâm giúp đỡ của giảng viên giảng dạy đã tận tình chỉ bảo mọi mặt và được sự quan tâm lãnh đạo công ty giúp em áp dụng lý thuyết vào thực tế, càng thấy rõ tầm quan trọng của công tác kinh doanh trong cơ chế nền kinh tế thị trường hiện nay. Nắm được quy trình và điều kiện công nghệ các công đoạn trong quá trình sản xuất sản phẩm chính của công ty.

Với vốn kiến thức còn hạn chế, thời gian thực hành chưa nhiều, nên trong bài báo cáo thực tập không tránh khỏi những thiếu sót.

Báo cáo hoàn thành đó là nhờ sự giúp đỡ, quan tâm tận tình của lãnh đạo ở Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi, nhất là giảng viên hướng dẫn TS. Đào Nhật Minh đã giúp em hoàn thành bài báo cáo này.

Em xin cảm ơn thầy giáo hướng dẫn đã tận tình hướng dẫn em từng bước một trong suốt quá trình làm bài báo khóa luận tốt nghiệp.

Đồng thời em cũng muốn nói lời cảm ơn đối với các anh chị các phòng ban trong Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi, đặc biệt là phòng Kế toán đã tận tình dìu dắt, giúp đỡ em trong những lúc khó khăn và giải thích cho em những khuất mắc chưa được rõ trong quá trình thực hiện báo cáo tổng hợp.

Bình Định, ngày 18 tháng 05 năm 2022

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thạch Thảo Vân

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] PGS.TS Nguyễn Văn Công (2011), *Giáo trình kế toán doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- [2] Th.S Nguyễn Ngọc Tiến (2014), *Bài giảng kế toán tài chính doanh nghiệp*.
- [3] TS. Trần Thị Cẩm Thanh (2014), *Giáo trình tổ chức hạch toán kế toán*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia – sự thật; Hà Nội
- [4] Các tài liệu kế toán tại Công ty TNHH Tổng hợp Minh Khôi
- [5] Các website về kế toán